**PHẦN I: VĂN HỌC**

Ngày soạn : 25/05/2020 Tiết 16

Ngày giảng:*:..............*

**Chuyên đề 1: VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**1. MỨC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1.1. Kiến thức:** Củng cố kiến thức về văn bản trong văn học trung đại: Chuyện người con gái Nam Xương, Truyện Kiều và các đoạn trích trong truyện Kiều : Cảnh ngày xuân, Chi em Thúy Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích...

**1.2. Kĩ năng:** Rèn kĩ năng làm phần đọc hiểu, phần tập làm văn trong bài thi tuyển sinh vào lớp 10.

**1,3. Thái độ:** Bồi dưỡng tình yêu văn học, có hứng thú khi làm bài.

**1.4. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.**

***\* Các phẩm chất:*** Yêu quê hương đất nước, yêu con người, chăm học, chăm làm, trung thực, trách nhiệm.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

***\* Các năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ và tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực sử dụng CNTT

***\* Các năng lực chuyên môn:***

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**2. CHUẨN BỊ**

**- Giáo viên**: Soạn nội dung ôn tập, máy chiếu, phiếu học tập.

**- Học sinh:** Ôn lại bài

**3. PHƯƠNG PHÁP – KTDH**

**- Phương pháp:** Giải quyết vấn đề, phân tích vi deo, HĐ nhóm, vấn đáp, dự án

**- Kĩ thuật:** Động não, ...

**4. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**4.1. Ổn định tổ chức**

**4.2. Kiểm tra bài cũ**

? Tóm tắt truyện Người con gái Nam Xương và nêu giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản?

HS: tóm tắt và nêu nội dung và nghệ thuật

**4.3. Bài mới**

**Bài 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

*-Nguyễn Dữ-*

**A/ TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác giả**

- Nguyễn Dữ sống ở thế kỷ XVI, giai đoạn chế độ xã hội phong kiến đang từ đỉnh cao của sự phát triển, bắt đầu rơi vào tình trạng suy yếu.

- Nguyễn Dữ chỉ làm quan một năm rồi về ở ẩn, giữ cách sống thanh cao đến trọn đời, dù vậy qua tác phẩm, ông vẫn tỏ ra quan tâm đến xã hội và con người.

**2. Tác phẩm**

Vị trí đoạn trích: "Chuyện người con gái Nam Xương" là truyện thứ 16 trong số 20 truyện của ***Truyền kỳ mạn lục.***

***a. Nội dung***

- Chuyện kể về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương.

- Chuyện thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ.

***b. Nghệ thuật***

- Nghệ thuật dựng truyện.

- Miêu tả nhận vật.

- Sử dụng yếu tố tự sự kết hợp với trữ tình.

***c. Chủ đề***

- Số phận oan nghiệt của người phụ nữ có nhan sắc, đức hạnh dưới chế độ phong kiến.

**B/ CÁC DẠNG ĐỀ**

**1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm**

**Đề bài:** *Ý nghĩa của các yếu tố kỳ ảo trong* ***"Chuyện người con gái Nam Xương".***

**Gợi ý:**

**a. Mở đoạn:**

- Giới thiệu khái quát về đoạn trích.

**b. Thân đoạn:**

- Các yếu tố kỳ ảo trong truyện:

+ Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.

+ Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, gặp Linh Phi, được cứu giúp, gặp lại Vũ Nương, được xứ giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế.

+ Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan trên bến Hoàng Giang giữa lung linh, huyền ảo rồi lại biến đi mất.

- Ý nghĩa của các chi tiết kỳ ảo.

+ Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của nhân vật Vũ Nương: Nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.

+ Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện.

+ Thể hiện ước mơ về lẽ công bằng ở đời của nhân dân ta.

**c. Kết đoạn:**

- Khẳng định ý nghĩa của yếu tố kỳ ảo đối với truyện.

**2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm**

**Đề bài :** *Cảm nhận của em về văn bản "****Chuyện người con gái Nam Xương****" của Nguyễn Dữ.*

**\* Gợi ý**

a. **Mở bài**

- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm.

- Nêu giá trị nhân đạo, hiện thực và nghệ thuật đặc sắc của truyện.

**b. Thân bài**

**LĐ1. Giá trị hiện thực:**

- Tố cáo xã hội phong kiến bất công, thối nát ...

+ Chàng Trương đang sống bên gia đình hạnh phúc phải đi lính.

+ Mẹ già nhớ thương, sầu não, lâm bệnh qua đời.

+ Người vợ phải gánh vác công việc gia đình.

- Người phụ nữ là nạn nhân của lễ giáo phong kiến bất công.

+ Vũ Thị Thiết là một người thuỷ chung, yêu thương chồng con, có hiếu với mẹ ...

+ Trương Sinh là người đa nghi, hồ đồ, độc đoán -> đẩy Vũ Nương đến cái chết thảm thương.

+ Hiểu ra sự thật Trương Sinh ân hận thì đã muộn.

**LĐ2. Giá trị nhân đạo**

- Đề cao, ca ngợi phẩm hạnh cao quý của người phụ nữ qua hình ảnh Vũ Nương.

+ Đảm đang: Thay chồng gánh vác việc nhà...

+ Hiếu thảo, tôn kính mẹ chồng ...

+ Chung thuỷ: Một lòng, một dạ chờ chồng ...

**LĐ3. Giá trị nghệ thuật**

- Ngôn ngữ, nhân vật.

- Kịch tính trong truyện bất ngờ.

- Yếu tố hoang đường kỳ ảo.

**c. Kết bài:**

- Khẳng định lại giá trị nội dung của truyện.

- Truyện là bài học nhân sinh sâu sắc về hạnh phúc gia đình.

**C/ BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Dạng đề 5 hoặc 7 điểm**

 **Đề bài:** Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ, Ngữ Văn 9, tập 1).

**\* GỢI Ý:** Cần làm rõ vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ. Bài viết nên thể hiện một số nội dung sau :

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu vài nét về Nguyễn Dữ và truyện Chuyện người con gái Nam Xương.

- Giới thiệu nhân vật Vũ Nương, một hình tượng mang vẻ đẹp của người phụ nữ

**LĐ 1: Đó là một người phụ nữ mang vẻ đẹp truyền thống.**

**- LL1: Người con dâu hiếu thảo:**

+ Mẹ chồng ốm: lo thuốc thang, lễ bái thần phật; lấy lời ngọt ngào, khôn khéo khuyên lơn khiến mẹ chồng xúc động.

+ Mẹ chồng mất : thương xót, ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ ruột của mình.

**- LL2: Người vợ hiền thục, thủy chung :**

+Khi mới về nhà chồng: tư dung đẹp đẽ, thùy mị nết na; giữ gìn khuôn phép không để vợ chồng phải thất hòa.

+Khi đưa tiễn chồng đi lính: tha thiết dặn dò, chỉ nghĩ tới sự an

nguy của chồng: thiếp chẳng dám mong chàng đeo ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ mong ngày về mang theo hai chữ bình an.

+ Khi chờ chồng: lúc nào cũng mong ngóng, tha thiết chờ đợi: nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được.

**- LL3: Mẹ hiền (một mình nuôi con nhỏ ...)**

**LĐ 2:**  Tuy nhiên, đó cũng là người phụ nữ mang số phận bi kịch, oan nghiệt: Bị chồng nghi ngờ mà không thể phân trần, minh oan; chỉ còn cách quyên sinh để tự minh oan; khi chồng hiểu được nỗi oan, cô cũng không thể trở về cõi thế.

**- LL1:**  Nghệ thuật xây dựng nhân vật :

+ Nhân vật được xây dựng theo thi pháp của văn học trung đại.

+ Đặc điểm được thể hiện qua lời nói, cử chỉ, hành động của nhân vật.

+ Nội tâm nhân vật ít được chú ý, miêu tả : lúc Vũ Nương chờ chồng; khi bị Trương Sinh ngờ oan.

+ Sự việc hành động nhân vật được thể hiện theo trình tự thời gian bình thường.

**- LL2:** Ý nghĩa của hình ảnh nhân vật :

+ Tiêu biểu cho vẻ đẹp truyền thống và số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Nhân vật để lại nhiều ấn tượng sâu đậm cho người đọc xưa cũng như nay.

- > Tố cáo xã hội phong kiến.

+ Thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

+ Góp phần biểu hiện giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

**c. Kết bài:**

- Khẳng định lại phẩm chất, vẻ đẹp của Vũ Nương.

- Khẳng định lại giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

**4.4. Củng cố:**

- SĐTD: Khái quát văn bản Người con gái Nam Xương

- Lập bảng thống kê kiến thức

**Bảng 1:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tác giả** | Tiểu sử | **Đặc điểm, phong cách sáng tác.** | **Tác phẩm chính** |
| Nguyễn Dữ | Sống ở thế kỉ 16, thời kì chế độ phong kiến đang từ đỉnh cao của sự thịnh vượng cuối TK 15, bắt đầu lâm vào tình trạng loạn lạc suy yếu. Thi đậu cử nhân, ra làm quan một năm rồi lui về sống ẩn dật ở quê nhà nuôi mẹ già, đóng cửa viết sách. | - Là nhà văn lỗi lạc, là học trò xuất sắc của Nguyễn Bỉnh Khiêm.- Là người mở đầu cho dòng văn xuôi Việt Nam, với bút lực già dặn, thông minh và tài hoa. | Truyền kì mạn lục: viết bằng chữ Hán; ghi chép tản mạn những truyện kì lạ được lưu truyền. |

**Bảng 2:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tác phẩm- Tác giả** | **Thể loại- PTBĐ** | **HCST (xuất xứ)** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| Chuyện người con gái Nam Xương- Nguyễn Dữ | - Truyện truyền kì.- Tự sự, biểu cảm | - Thế kỉ 16 | Khẳng định vẻ đẹp tâm hồn truyền thống của người phụ nữ Việt Nam, niềm cảm thương số phận bi kịch của họ dưới chế độ phong kiến. | -Truyện truyền kì viết bằng chữ Hán; kết hợp các yếu tố hiện thực và yếu tố hoang đường kì ảo với cách kể chuyện, xây dựng nhân vật rất thành công. |

**Bảng 3:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tác phẩm (đoạn trích)** | Luận điểm- luận cứ cơ bản |
| Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ) | ***\* Giá trị nội dung****:*- Giá trị hiện thực:+ Tác phẩm đề cập tới số phận bi kịch của một người phụ nữ dưới chế độ phong kiến qua nhân vật Vũ Nương.+ Phản ánh hiện thực về xã hội phong kiến Việt Nam bất công, vô lí.- Giá trị nhân đạo:+ Ca ngợi, trân trọng vẻ đẹp của người phụ nữ thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương.+ Thương cảm cho số phận đau khổ bi kịch của người phụ nữ dưới chế độ p/k qua nhân vật Vũ Nương.+ Lên tiếng tố cáo xã hội phong kiến bất công tàn bạo.+ Đề cao nhân nghĩa “ở hiền gặp lành” qua phần kết thúc có hậu.***\* Nhân vật Vũ Nương:***­***- Vũ Nương là người phụ nữ thuỳ mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp.***+ Khi chồng ở nhà nàng hết mực giữ gìn khuôn phép, gia đình êm ấm hoà thuận.+ Khi chồng đi lính nàng ở nhà nuôi dạy con thơ, chăm sóc mẹ già.+ Trước sau vẫn trọn tình, vẹn nghĩa, thuỷ chung.***- Vũ Nương có số phận đau khổ, oan khuất..***+ Sống cô đơn trong cảnh thiếu phụ vắng chồng.+ Bị chồng nghi oan, ruồng rẫy và đánh đuổi đi.+ Tự vẫn ở bến sông Hoàng Giang. |

**4.5. Hướng dẫn về nhà**

* Học nội dung đã ôn tập?
* Hoàn thiện bài tập vận dụng
* Hoàn thành bài tập về nhà

**Vẽ sơ đồ** phân tích nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm **"Chuyện người con gái Nam Xương"** của Nguyễn Dữ.

**\* Gợi ý:**

* 

**Đề 4: Viết một đoạn văn ngắn (8 đến 10 dòng) tóm tắt lại "Chuyện người con gái Nam Xương" của Nguyễn Dữ có sử dụng thành phần Khởi ngữ và thành phần biệt lập**

Gợi ý:

- Vũ Nương là người con gái thuỳ mị, nết na. Chàng Trương là con gia đình hào phú vì cảm mến đã cưới nàng làm vợ. Cuộc sống gia đình đang xum họp đầm ấm, xảy ra binh đao, Trương Sinh phải đăng lính, nàng ở nhà phụng dưỡng mẹ già, nuôi con. Khi Trương Sinh về thì con đã biết nói, đứa trẻ ngây thơ kể với Trương Sinh về người đêm đêm đến với mẹ nó. Chàng nổi máu ghen, mắng nhiệc vợ thậm tệ, rồi đánh đuổi đi, khiến nàng phẫn uất, chạy ra bến Hoàng Giang tự vẫn. Khi hiểu ra nỗi oan của vợ, Trương Sinh đã lập đàn giải oan cho nàng.

* Chuẩn bị: ôn lại kiến thức về các biện pháp tu từ?

**V. RÚT KINH NGHIỆM**

Ngày soạn : 25/05/2020

Ngày giảng:*:..............*

**Chuyên đề 1: VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM ( Tiếp theo)**

**Bài 2. TRUYỆN KIỀU**

 **( *Nguyễn Du)***

**TÁC GIẢ TÁC PHẨM**

1. **TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

|  |
| --- |
| **I. Giới thiệu tác giả Nguyễn Du.** |
| - Tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên (1765 - 1820). |
| - Quê quán: làng Tiên Điền - huyện Nghi Xuân - tỉnh Hà Tĩnh. |
| **1. Thời đại Nguyễn Du:**- Nguyễn Du sinh trưởng trong một thời đại có nhiều biến động dữ dội.**2. Gia đình:**- Là một gia đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học.**3. Cuộc đời:**- Do XH biến đổi, mồ côi cha mẹ sớm --> phải sống nhiều năm lưu lạc, gian truân.- Đi nhiều, tiếp xúc nhiều, từng trải tron cuộc sống .Ông hiểu sâu sắc nhiều vấn đề đời sống XH - Là người có trái tim giàu lòng yêu thương đối với con người và cuộc sống. **4. Sự nghiệp văn học**:- Gồm nhiều tác phẩm nổi tiếng có giá trị viết bằng chữ Hán và cả chữ Nôm, xuất sắc nhất là "Truyện Kiều".Đóng góp to lớn cho kho tàng VH dân tộc , nhất là thể loại truyện thơ. |
| => Nguyễn Du là thiên tài văn học, là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học dân tộc, là 1 nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. **Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hoá.** |
| **II. Giới thiệu tác phẩm "Truyện Kiều":****1. Nguồn gốc "Truyện kiều"**- Viết đầu TK XIX (1805 - 1809) bằng chữ Nôm.- Gồm 3254 câu thơ lục bát.- Có nguồn gốc cốt truyện từ tác phẩm văn học TQ "Kim Vân Truyện Kiều" của Thanh Tâm tài nhân nhưng phần sáng tạo của Nguyễn Du rất lớn . |
| **2. Tóm tắt Truỵên Kiều**  |
| \* Phần thứ nhất: Gặp gỡ và đính ước.\* Phần thứ 2: Gia biến và lưu lạc.\* Phần thứ 3: Đoàn kết với gia đình và gặp lại người xưa.**3. Gía trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm** |

**\* Nội dung**:

- Giá trị nhân đạo: Đề cao tự do, ­ước mơ đẹp về tình yêu; khát vọng công lí, khát vọng về quyền sống... Ca ngợi phẩm chất con ng­ười (*Kiều: Đẹp, tài, trí, hiếu thảo, trung hậu, vị tha)*

- Giá trị hiện thực: Bức tranh hiện thực về một xã hội bất công. Tiếng nói lên án, tố cáo các thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con ng­ười.

**\* Nghệ thuật:**

- Truyện Kiều là sự kết tinh tthành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ thể loại (*Văn học dân tộc; thể thơ lục bát; nghệ thuật tự sự ; Nghệ thuật miêu tả thiên nhiên ; khắc hoạ tính cách , tâm lý con người).*

**\* Về hình thức**: Có nhiều sáng tạo trong NT kể chuyện , sử dụng ngôn ngữ , miêu tả thiên nhiên , khắc hoạ hình tượng N/Vật ....

**CHỊ EM THUÝ KIỀU**

**A/ TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

**1.Vị trí đoạn trích:**

- Nằm ở phần thứ nhất “ Gặp gỡ và đính ước của Truyện Kiều”

***2.* Đánh giá chung:**

- Nội dung: Đoạn trích khắc họa bức chân dung của 2 chị em Thúy Kiều, Thúy Vân. Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người qua đó dự báo số phận của từng nhân vật.
- Nghệ thuật: Đoạn thơ là bức chân dung hoàn chỉnh chặt chẽ, sử dụng bút pháp nghệ thuật ước lệ tượng trưng => bút pháp cổ điển điêu luyện

**II. Tổng kết**

***1. Về nghệ thuật***

- Nghệ thuật tả người từ khái quát đến tả chi tiết; tả ngoại hình mà bộc lộ tính cách, dự báo số phận.

- Ngôn ngữ gợi tả, sử dụng hình ảnh ước lệ, các biện pháp ẩn dụ, nhân hoá, so sánh, dùng điển cố.

***2. Về nội dung***

Ca ngợi vẻ đẹp chuẩn mực, lý tưởng của người phụ nữ phong kiến. Bộc lộ tư tưởng nhân đạo, quan điểm thẩm mỹ tiến bộ, triết lý vì con người: trân trọng yêu thương, quan tâm lo lắng cho số phận con người.

**KL**: Bằng bút pháp miêu tả tinh tế, sử điển cố, bút pháp ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật Thúy Vân và Thúy Kiều về tài sắc và cả số phận. Qua đó chúng ta càng thấy tâm phục, trân trọng tài hoa của đại thi hào dt Nguyễn Du.

**B/ CÁC DẠNG ĐỀ:**

**1. Dạng đề 3 điểm**

 ***Đề*** *1: Cảm nhận của em về vẻ đẹp chung của chị em Thuý Kiều qua đoạn trích Chị em Thuý Kiều của Nguyễn Du.*

**\* Gợi ý**:

- Mở đoạn: Giới thiệu chung về vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều.

- Thân đoạn: Vẻ đẹp chung của hai chị emThuý Vân, Thuý Kiều.

- Kết đoạn: Khẳng định vẻ đẹp cao quý của chị em Thuý Kiều qua nghệ thuật tả người tài tình của tác giả Nguyễn Du.

**2. Dạng đề 5 đến7 điểm**

**Đề 2***: Cảm nhận của em về đoạn trích "Chị em Thúy Kiều" (Trích "Truyện Kiều" Nguyễn Du).*

**a. Mở bài.**

 - Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích;

 - Cảm nhận chung về đoạn trích.

**b. Thân bài.**

**\* *Bốn câu đầu:* Vẻ đẹp chung của hai chị em.**

 - Nhịp điệu, hình ảnh đ­ược lựa chọn theo bút pháp ­ước lệ cổ điển “ Mai cốt cách.... m­ười phân vẹn mười” hoa, tuyết ước lệ cho ng­ười phụ nữ, ng­ười đẹp.

 Hình mảnh mai, sắc rực rỡ, h­ương quý phái. Tinh thần trắng trong, tinh khiết, thanh sạch. Hai vế đối nhau, câu thơ trở nên tao nhã gợi cảm. Âm điệu nhịp nhàng nhấn mạnh sự đối xứng làm nổi bật vẻ đẹp cân đối hoàn hảo của hai chị em.

**\* *16 câu tiếp theo*: Vẻ đẹp của Thúy Vân và tài sắc của Thúy Kiều.**

**Bốn câu tả Thúy Vân.**

- Hình ảnh: Khuôn mặt đầy đặn, cân đối phúc hậu, suối tóc óng như mây, điệu cười, giọng nói đoan trang, làn da sáng hơn tuyết.

Tác gỉa miêu tả Thúy Vân toàn vẹn bằng những nét ­ước lệ hình ảnh ẩn dụ thích hợp, tinh tế từ khuôn mặt, nét mày, điệu c­ười giọng nói, mái tóc làn da. Kì diệu hơn Nguyễn Du vừa miêu tả nhan sắc đã cho thấy ngay số phận an bài hạnh phúc của nhân vật.

**12 câu tả Kiều.**

- Số l­ượng câu chứng tỏ Nguyễn Du dùng hết bút lực, lòng yêu mến vào nhân vật này. Lấy Vân làm nền để làm nổi bật Kiều, Vân xinh đẹp là thế nh­ưng Kiều còn đẹp hơn. Nếu Vân đẹp t­ươi thắm, hiền dịu thì Thúy Kiều lại đẹp sắc sảo “ nghiêng n­ước, nghiêng thành”

- Trích dẫn: Thơ

- Nhận xét: - Kiều đẹp tuyệt đối,

- Phân tích: bằng ­nghệ thuật ước lệ, tác giả điểm xuyết một đôi nét dung nhan khiến Thúy Kiều hiện lên rạng rỡ :

 + “làn thu thủy”: đôi măt trong xanh nh­ư n­ước mùa thu gợi cảm mà huyền ảo.

 + “ nét xuân sơn”: nét mày thanh thản t­ươi xanh mơn mởn đẹp như­ dáng núi mùa xuân t­ươi trẻ.

- Phân tích: phép tu từ nhân hóa, từ ngữ chọn lọc thể hiện thái độ của thiên nhiên với Kiều. Với vẻ đẹp của Vân thiên nhiên chẳng đố kị mà chịu thua, chịu nhường còn với vẻ đẹp của Kiều “ hoa ghen”, “ liễu hờn” thể hiện sự đố kị.

Tả vẻ đẹp lấy từ điển cố “ nhất cố khuynh thành, tái cố khuynh quốc" tạo sự súc tích, có sức gợi lớn làm bật vẻ đẹp có sức hút mạnh mẽ

**\* Tóm lại**: Vẻ đẹp của Kiều gây ấn t­ượng mạnh, một trang tuyệt sắc.

- Không chỉ là giai nhân tuyệt thế mà Kiều còn rất đa tài.

- Tài đánh đàn, Soạn nhạc: khúc “ bạc mệnh oán” (Tâm hồn đa sầu, đa cảm, phong phú. Khúc nhạc dự đoán cho số phận đau khổ, bất hạnh của Kiều sau này).

- So với đoạn tả Thúy Vân, chức năng dự báo còn phong phú hơn.

- Những câu thơ miêu tả nhan săc, tài năng dự đoán số phận đã thể hiện quan niệm “ thiên mệnh” của nho gia, thuyết tài mệnh tư­ơng đố” của Nguyễn Du.

 - Nét tài hoa của Nguyễn Du bộc lộ rõ nét trong nghệ thuật tả ng­ười ở đoạn thơ.

 - Bút pháp nghệ thuật có tính truyền thống của thơ văn cổ nh­ưng ông đã v­ượt lên được cái giới hạn đó. 16 câu tả vẻ đẹp của hai chị em Kiều gần nh­ư đầy đủ vẻ đẹp của ng­ười phụ nữ theo quan niệm x­ưa: Công - dung - ngôn - hạnh. Tài ấy thể hiện cả ở tả tình, tâm hồn của nhân vật và dự báo số phận nhân vật.

**\* *Đức hạnh và phong thái của hai chị em Kiều.***

- Cuộc sống “êm đềm”, “ phong l­ưu” khuôn phép, đức hạnh mẫu mực.

- Đoạn cuối: khép lại bức chân dung của hai chị em Thúy Kiều đồng thời khép lại toàn đoạn trích khiến nó thêm chặt chẽ với tác phẩm, với số phận từng nhân vật. Vân êm ái, Kiều bạc mệnh.

- Cách miêu tả - giới thiệu chính xác số phận từng nhân vật.

Cuối đoạn miêu tả vẫn trong sáng, đằm thắm như­ chở che bao bọc cho chị em Kiều - 2 bông hoa vẫn còn trong nhụy.

**\* Nhận xét chung về nội dung - nghệ thuật.**

**C. Kết bài:**

 Khẳng định vẻ đẹp trong sáng thanh cao của chị em Thuý Kiều. Nghệ thuật miêu tả nhân vật tài tình, tình cảm yêu quý trân trọng của tác giả dành cho Vân, Kiều.

**C/ BÀI TẬP VỀ NHÀ:**

**Hãy phân tích đoạn trích: Chị em Thúy Kiều**

**\* Phân tích:**

**Luận điểm 1: *Giới thiệu vẻ đẹp chung của chị em Kiều - Vân***

- Tác giả ca gợi chị em Thúy Kiều đều mang vẻ đẹp cả ngoại hình lẫn tính nết:

 *“Đầu lòng hai ả tố nga”.*

=> Sự kết hợp giữa từ thuần Việt với từ Hán Việt khiến cho lời giới thiệu vừa tự nhiên vừa sang trọng.

 *Mai cốt cách, tuyết tinh thần*

 *Mỗi người một vẻ muời phân vẹn mười*

- Hình ảnh ẩn dụ, ví ngầm tượng trưng, thể hiện vẻ đẹp trong trắng, thanh tao, trang nhã đến mức hoàn hảo. Nhưng mỗi người vẫn mang một vẻ đẹp riêng.

*+ Mai: mảnh dẻ thanh tao*

*+ Tuyết: trắng và thanh khiết.*

=> Tác giả đã chọn 2 hình ảnh mỹ lệ trong thiên nhiên để ngầm so sánh với người thiếu nữ.

**Luận điểm 2: *Vẻ đẹp của Thuý Vân: 4 câu***

- Với những từ ngữ trau truốt, gợi những hình ảnh ước lệ, tượng trưng đẹp và giàu sức gợi tả, được chọn lọc qua tâm hồn mẫn cảm, tinh tế, Nguyễn Du đã khắc họa rất sống động vẻ đẹp đài các, đoan trang viên mãn đầy sức sống của Thúy Vân

*+ Trang trọng khác vời*

*+ Khuôn trăng đầy đặn:* Khuôn mặt đầy đặn, đẹp như trăng rằm.

*+ Nét ngài nở nang:* lông mày sắc nét, đậm.

+ *Hoa cười ngọc thốt đoan trang*

*Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.*

- Tác giả đã sử dụng các biện pháp ẩn dụ, so sánh đặc sắc, kết hợp với những thành ngữ dân gian để làm nổi bật vẻ đẹp của Thuý Vân, qua đó, dựng lên một chân dung khá nhiều chi tiết có nét hình, có màu sắc, âm thanh, tiếng cười, giọng nói.

- Sắc đẹp của Thuý Vân sánh ngang với nét kiều diễm của hoa lá, ngọc ngà, mây tuyết,… toàn những báu vật tinh khôi, trong trẻo của đất trời. Thuý Vân là cô gái có vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu.

=> Vẻ đẹp của Thuý Vân là vẻ đẹp hài hoà với thiên nhiên, tạo hoá. Thiên nhiên chỉ “nhường” chứ không “ghen”, không “hờn” như với Thuý Kiều. Điều đó dự báo một cuộc đời êm ả, bình yên, vinh hoa phú quý sẽ mỉm cười với nàng.

**Luận điểm 3: *Vẻ đẹp và tài năng của Thuý Kiều.***

- Tác giả khéo léo tả Vân trước để làm nổi bật Thúy Kiều. Đó là nghệ thuật đòn bẩy. Nếu Vân được tả là cô gái phúc hậu với khuôn mặt tròn như mặt trăng, đôi lông mày đậm như mày ngài mắt phượng “ khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang” thì Thúy Kiều lại được tả là sắc sảo mặn mà” hơn hẳnThủy Vân.

 *Kiều càng sắc sảo mặn mà*

 *So bề tài sắc lại là phần hơn.*

- Tác giả sử dụng nghệ thuật so sánh đòn bẩy để khẳng định vẻ đẹp vượt trội của Thuý Kiều.

+ *Làn thu thuỷ, nét xuân sơn.*

*+ Hoa ghen- liễu hờn*

 *Nghiêng nước nghiêng thành*

= > Nghệ thuật ẩn dụ, dùng điển cố: “Nghiêng nước nghiêng thành”.

- Sắc: Kiều là một trang tuyệt sắc với vẻ đẹp độc nhất vô nhị.

 *Thông minh vốn sẵn tính trời*

*Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm*

 *Cung thương làu bậc ngũ âm*

*Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.*

- Cùng những từ ngữ, hình ảnh ước lệ tượng trưng được lọc qua tâm hồn mẫn cảm tinh tế, qua ngòi bút miêu tả tài hoa của đại thi hào hình ảnh nàng Kiều hiện lên lộng lẫy sắc nước hương trời đến hoa phải ghen, liễu phải hờn. Thiên nhiên đố kị, ghen ghét với nàng. Hồng nhan bạc mệnh, cái sắc sảo mặn mà” khiến thiên nhiên cũng phải đố kị, ghen ghét ấy đã dự báo một cuộc đời đầy sóng gió, bể dâu sẽ ập đến với nàng.

- Tác giả đã hết lời ca ngợi tài sắc của Kiều: một người con gái có tâm hồn đa cảm, tài sắc toàn vẹn.

­+  *Chữ tài chữ mệnh khéo mà ghét nhau*

*+ Chữ tài đi với chữ tai một vần.*

- Qua vẻ đẹp và tài năng quá sắc sảo của Kiều, dường như tác giả muốn báo trước một số phận trắc trở, sóng gió.

**Luận điểm 4. *Cuộc sống của hai chị em Thúy Kiều*** (4 câu cuối): Tác giả khẳng định Thúy Kiều và Thúy Vân đều sống nghiêm túc sung sướng trong cảnh êm đềm chướng rủ màn che”, chưa hề chú ý đến chuyện yêu đương cho dù Tường đông ong bướm đi về” cũng vẫn mặc ai”. **=>** Một cuộc sống êm đềm, khu«n phÐp, hạnh phúc trong gia đình nề nếp, nho giáo.

- Bút pháp nghệ thuật miêu tả chân dung Chị em Kiều: Dẫu vẫn sử dụng nghệ thuật miêu tả ước lệ tượng trưng của văn học cổ điển, thế nhưng với tâm hồn mẫn cảm tài hoa, chắt lọc, trau chuốt ngôn từ, Nguyễn Du đã khắc họa thật sinh động hai bức chân dung Thúy Vân và Thúy Kiều mỗi người mỗi vẻ đẹp riêng, toát lên từng tính cách từng số phận riêng, không lẫn vào nhau không thể phai nhạt trong tâm hồn người.

**4.4. Củng cố:**

- SĐTD: Khái quát văn bản: Chị em Thúy Kiều

- Lập bảng thống kê kiến thức

**4.5. Hướng dẫn về nhà**

* Học nội dung đã ôn tập?
* Hoàn thiện bài tập vận dụng
* Hoàn thành bài tập về nhà

--------------------------------------------

Ngày giảng:*:..............*

 **CẢNH NGÀY XUÂN**

**A/ TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

**1. Vị trí của đoạn trích:**

***-*** Đoạn trích nằm ngay sau phần miêu tả tài sắc chị em Thuý Kiều, nằm ở phần đầu “ Gặp gỡ và đính ước” của truyện Kiều

**2. giá trị tác phẩm**

**\* Nội dung:**

- Gợi tả bức hoạ mùa xuân với những đặc điểm riêng biệt.

- Thể hiện tâm trạng của nhân vật trong buổi du xuân.

**\* Nghệ thuật :**

- Tả cảnh thiên nhiên đặc sắc.

- Từ ngữ giàu chất tạo hình.

**3. Đánh gía chung:**

- Nội dung: Là bức tranh xuân trong tiết thanh minh tuyệt đẹp và cảnh du xuân của chị em Thuý Kiều

- Nghệ thuật: Đoạn trích thể hiện tài tình, khéo léo bút pháp tả cảnh ngụ tình tài ba của Nguyễn Du.

**B/ CÁC DẠNG ĐỀ**

**1. Dạng đề 3 điểm:**

***Đề 1: Viết đoạn văn ngắn 10 -15 dòng nêu cảm nhận của em về hai câu thơ:***

 *Dập dìu tài tử giai nhân*

 *Ngựa xe như nước áo quần như nêm*

 ***Cảnh ngày xuân* (**Trích ***Truyện Kiều -*** Nguyễn Du)

***\* Gợi ý:***

- Cảnh lễ hội trong tiết thanh minh được miêu tả thật sinh động, mang đậm nét văn hoá dân gian việt nam:

 Dập dìu tài tử giai nhân

 Ngựa xe như nước áo quần như nêm

- Tết thanh minh, mọi người tập trung đi tảo mộ, họ là những nam thanh nữ tú đi sửa sang lại phần mộ của người thân . Không khí thật đông vui, rộn ràng được thể hiện qua một loạt các từ ghép, từ láy giàu chất tạo hình (Dập dìu, Ngựa xe, giai nhân- tài tử, áo quần…) Câu thơ nhịp nhàng , uyển chuyển ….

- Tất cả đều góp phần thể hiện cái không khí lễ hội đông vui, náo nhiệt. Một truyền thống tốt đẹp của những nước Á Đông.

 **2. Dạng đề 5 - 7 điểm :**

**Đề1**: *Cảm nhận về khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp trong đoạn trích* ***Cảnh ngày xuân****. (Truyện Kiều- Nguyễn Du)*

\* **Gợi ý :**

**a. Mở bài :** Giới thiệu chung về đoạn trích

 **-** Cảm nhận chung về khung cảnh thiên nhiên được miêu tả trong đoạn trích

**b. Thân bài** : **Khung cảnh ngày xuân**

- Bốn câu thơ đầu gợi lên khung cảnh mùa xuân . Một bức tranh xuân tuyệt tác:
 “*Ngày xuân con én đưa thoi*

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Cỏ non xanh rợn chân trời.

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa. ”

 - Ngày xuân qua đi nhanh như chiếc thoi dệt vải trong khung cửi -> không khí rộn ràng, tươi sáng của cảnh vật trong mùa xuân; tâm trạng nuối tiếc ngày xuân trôi qua nhanh quá. Như thế hai câu đầu vừa nói về thời gian mà còn gợi tả không gian mùa xuân. Hai câu còn lại là một bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp.

“*Cỏ non xanh tận chân trời.*

*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*”

 - Bát ngát trải rộng đến tận chân trời là thảm cỏ non tơ xanh rợn -> gam màu nền của bức tranh ngày xuân tươi đẹp. Sự phối hợp màu sắc của bức tranh thật hài hòa. Màu xanh non tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở, cho sức sống đang lên , còn màu trắng là biểu tượng của sự trong trắng tinh khiết .

 -> Ngày xuân ở đây thật khoáng đạt, mới mẻ, thanh tân, dạt dào sức sống trong một không khí trong lành, thanh thoát. Từ “điểm” dùng ở đây làm cho bức tranh thêm sinh động, có hồn.

 - Cảnh lễ hội trong tiết thanh minh cũng được miêu tả thật sinh động , náo nức:

*“Gần xa nô nức yến oanh .*

*Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân*

*Dập dìu tài tử giai nhân*

*Ngựa xe như nước áo quần như nêm*

*Ngổn ngang gò đống kéo lên .*

*Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay"*

- Không khí rộn ràng đựơc thể hiện qua một loạt các từ ghép, từ láy giàu chất tạo hình.Tất cả đều góp phần thể hiện cái không khí lễ hội đông vui, một truyền thống tốt đẹp của những nước Á Đông.

" Tà tà ... bắc ngang".

 - Cảm giác bâng khuâng nuối tiếc. Cảnh vật, không khí mùa xuân trong sáu câu này so với mấy câu đầu đã có sự khác biệt. Mọi thứ đều đã lắng xuống, nhạt dần.

- Nắng xuân ấm áp hồng tươi vào buổi sớm giờ đây đã “nhạt” đi, khe suối nhỏ, nhịp cầu bắc ngang tuy vẫn giữ nét thanh diụ của mùa xuân với mọi chuyển động nhẹ nhàng, nhưng mặt trời ngả bóng về Tây, bước chân người thẩn thơ lưu luyến, tiếc nuối, dòng nước uốn quanh.

- Cảnh chiều tan hội. Tâm trạng mọi người theo đó cũng khác hẳn. Những từ láy “nao nao”, “tà tà”, “thanh thanh” đâu chỉ tả cảnh mà còn ngụ tình … Một cái gì đó lãng đãng, bâng khuâng, xuyến xao và tiếc nuối…

**c. Kết bài :** - Nhận xét chung về cảnh thiên nhiên tươi đẹp trong đoạn trích

 - Nghệ thuật tả cảnh của đại thi hào Nguyễn Du.

--------------------------------------------------

Ngày soạn : 01/04/2019 *Tiết 6*

Ngày giảng:*:..............*

**KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

**A/ TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

**1.Nội dung:**

- Cảm nhận được tâm trạng cô đơn buồn tủi và tấm lòng thuỷ chung hiếu thảo của Thuý Kiều.

**2.Nghệ thuật:**

- Khắc họa nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại.

- Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

**B/ CÁC DẠNG ĐỀ:**

 **1. Dạng đề 3 điểm**

 **Đề 1:** *Chép lại 8 câu thơ cuối trong đoạn trích : " Kiều ở lầu ngưng bích" và nêu cảm nhận về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật trong đoạn thơ.*

**\* Gợi ý:**

- Chép đúng nội đúng 8 câu thơ.

- Phần cảm nhận:

 + Mở đoạn: Giới thiệu nghệ thuật tả cảnh ngụ tình

 + Thân đoạn: cảm nhận về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật trong đoạn thơ.

 + Kết đoạn: Đánh giá chung về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc của tác giả.

**2. DẠNG ĐỀ 5 HOẶC 7 ĐIỂM:**

 ***Đề1:*** *Cảm nhận của em về tâm trạng của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích qua nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật của Nguyễn Du.*

**\* Gợi ý:**

**a Mở bài:** Giới thiệu chung về đoạn trích *(Đoạn thơ hay nhất biểu hiện bút pháp nghệ thuật đặc sắc về tự sự, tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ độc thoại thể hiện nỗi lòng và tâm trạng của nhân vật Thuý Kiều*)

**b. Thân bài:**

\* Tâm trạng của Thuý Kiều khi ở lầu Ngưng Bích:

- Đó là tâm trạng cô đơn buồn tủi, đau đớn xót xa

- Nàng nhớ đến Kim trọng, thương chàng

- Nàng thương cha mẹ già thiếu người chăm sóc.

- Nàng nghĩ về hiện tại của bản thân thì thấy buồn dâng lớp lớp như tâm trạng ngổn ngang trước một tương lai mờ mịt, bế tắc.

\* Nghệ thuật miêu tả tâm lý của Nguyễn Du:

 - Nhà thơ sử dụng ngoại cảnh để tả tâm cảnh.

 - Vừa tạo ra sự đối lập *Thiên nhiên rộng lớn- con người nhỏ bé cô đơn* vừa tạo ra sự tuơng đồng : *cảnh ngổn ngang - tâm trạng ngổn ngang, cảnh mờ mịt nhạt nhoà - tâm trạng u buồn, bế tắc.*

 - Nguyễn Du sử dụng điệp ngữ, các từ láy tạo nên sự trùng điệp như nỗi lòng của Kiều đang " Lớp lớp sóng dồi"

**C. Kết bài:**

 - Khẳng định nghệ thuật ***Vịnh cảnh ngụ tình*** đặc sắc của đại thi hào Nguyễn Du.

- Xót thương số phận tài hoa bạc mệnh của Thuý Kiều.

- Căm ghét xã hội phong kiến xấu xa, thối nát, tàn bạo.

**Đề 2:** *Nêu cảm nhận của em về số phận của người phụ nữ việt nam dưới chế độ xã hội phong kiến thông qua hình ảnh Vũ thị Thiết - (Chuyện Người con gái nam xương) và Thuý Kiều - (Truyện Kiều - Nguyễn Du).*

**\* Gợi ý:**

**1. Mở Bài**:

 - Nhấn mạnh về số phận bất hạnh của người phụ nữ việt nam xưa.

 - Giới thiệu hai tác phẩm Chuyện Người con gái nam xương- Nguyễn Dữ và Truyện Kiều - Nguyễn Du).

**2. Thân bài:**

- Số phận bi kịch của người phụ nữ xưa:

+ Đau khổ, bất hạnh, oan khuất tài hoa bạc mệnh . Hồng nhan đa truân.

( - Không được sum họp vợ chồng hạnh phúc, một mình nuôi già, dạy trẻ, bị chồng nghi oan , phải tìm đễn cái chết, vĩnh viến không thể đoàn tụ với gia đình chồng con… - Nàng vũ thị Thiết.

 - Số phận vương Thuý Kiều: Bi kịch tình yêu, mối tình đầu tan vỡ, phải bán mình chuộc cha, thanh lâu hai lượt thanh y hai lần ( Hai lần tự tử, hai lần đi tu, hai lần phải vào lầu xanh, hai lần làm con ở) quyền sống và quyền hạnh phúc bị cướp đoạt nhiều lần…).

+ Cảm thương xót xa cho cuộc đời của những người phụ nữ xưa. Căm giận xã hội phong kiến bất công tàn bạo đã trà đạp lên nhân phẩm cuộc đời họ…

 - Vẻ đẹp, nhân phẩm của họ:

 + Tài sắc vẹn toàn:

 - Chung thuỷ son sắt (Vũ Thị Thiết)

 - Tài sắc hiếu thảo nhân hậu, bao dung khát vọng tụ do công lý và chính nghĩa (Thuý Kiều).

**3. Kết bài:**

 - Nêu cảm nhận bản thân. (Xót xa thương cảm) .

 - Bày tỏ thái độ không đồng tình, lên án chế độ xã hội phong kiến bất công vô nhân đạo xưa).

 - Khẳng định sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa hôm nay…

 .........................................................................................

Ngày soạn : 10/04/2019 *Tiết 7*

Ngày giảng:*:..............*

**CHUYÊN ĐỀ 2**

**TRUYỆN VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG 8 - 1945**

***LÀNG***

 *- Kim Lân-*

 ***A.TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:***

 **1. Tác giả:**

Kim Lân(1920- 2007)tên thật là Nguyễn Văn Tài, quê Bắc Ninh. ông là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và đã có sáng tác đăng báo từ trước cách mạng tháng Tám 1945. Vốn gắn bó và am hiểu sâu sắc cuộc sống ở nông thôn, Kim Lân hầu như chỉ viết về sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân. năm 2001, ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

 **2. Tác phẩm “Làng”**

 **a. Nội dung:** Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư đã được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật ông Hai trong truyện Làng.

 **b. Nghệ thuật:** Tác giả đã thành công trong việc xây dựng tình huống truyện, trong nghệ thuật miêu tả tâm lí và ngôn ngữ nhân vật.

 **3. Chủ đề:** Lòng yêu nước của người nông dân.

 ***B.CÁC DẠNG ĐỀ:***

 **Đề 1:**

 *Nhân vật ông Hai trong truyện “Làng” của Kim Lân.*

 **Dàn bài:**

 **1 . Mở bài:**

( Nêu những nét chính về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và những nét khái quát về nhân vật ông Hai .)

* Kim Lân là nhà văn có sở trường về truyện ngắn, am hiểu về đời sống nông dân nông thôn.
* Truyện ngắn “Làng” được in lần đầu tiên trên tạp chí Văn nghệ năm 1948
* Nhân vật chính là ông Hai, một nông dân phải dời làng đi tản cư nhưng có tình yêu làng, yêu nước sâu sắc, tinh thần kháng chiến cao, trung kiên cách mạng.
1. **Thân bài**
2. Ông Hai có tình yêu làng sâu sắc đặc biệt với làng Chợ Dầu, nơi chôn nhau cắt rốn của ông.
* Kháng chiến chống Pháp nổ ra:

+ Ông Hai muốn trở lại làng để chống giặc nhưng vì hoàn cảnh gia đình phải tản cư, ông luôn day dứt nhớ làng.

+ Tự hào về làng, ông tự hào về phong trào cách mạng, tinh thần kháng chiến sôi nổi của làng.

1. Tình yêu làng của ông Hai hòa nhập thống nhất với lòng yêu nước, yêu kháng chiến, cách mạng.

+ Nghe tin làng chợ Dầu theo giặc Pháp ông đau đớn nhục nhã, “làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”.

+ Nghe tin cải chính làng không theo giặc, ông Hai vui sướng tự hào nên dù nhà ông bị giặc đốt ông không buồn, không tiếc, xem đó là bằng chứng về lòng trung thành của ông đối với cách mạng.

1. Kim Lân thành công trong cách xây dựng cốt truyện tâm lí, đặt nhân vật trong tình huống gay gắt, đấu tranh nội tâm căng thẳng để bộc lộ tâm trạng tính cách nhân vật.
* Miêu tả nổi bật tâm trạng tính cách nhân vật qua đối thoại, độc thoại, đấu tranh nội tâm, ngôn ngữ, thái độ, cử chỉ, suy nghĩ hành động.
1. Kết bài.

 - Ông Hai tiêu biểu cho tầng lớp nông dân thời chống Pháp yêu làng yêu nước sâu sắc.

**Đề 2.**  *Cảm nhân của em về truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân.*

**Gợi ý**
**A. Mở bài:** - Kim Lân tên thật là Nguyễn Văn Tài, quê ở huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

 - Truyện ngắn Làng sáng tác đầu kháng chiến, được in năm 1948.

 - Nêu cảm nhận chung về truyện nhăn Làng: Truyện ca ngợi tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến sôi nổi của người nông dân, thông qua nhân vật ông Hai.

**B.Thân bài**
 1. Truyện ngắn Làng biểu hiện một tình cảm cao đẹp của toàn dân tộc, tình cảm quê hương đất nước. Với người nông dân thời đại cách mạng và kháng chiến thì tình yêu làng xóm quê hương đã hoà nhập trong tình yêu nước, tinh thần kháng chiến. Tình cảm đó vừa có tính truyền thống vừa có chuyển biến mới.
 2. Thành công của Kim Lân là đã diễn tả tình cảm, tâm lí chung ấy trong sự thể hiện sinh động và độc đáo ở một con người, nhân vật ông Hai. ở ông Hai tình cảm chung đó mang rõ màu sắc riêng, in rõ cá tính chỉ riêng ông mới có.
 a. Tình yêu làng, một bản chất có tính truyền thông trong ông Hai.
- Ông Hai tự hào sâu sắc về làng quê.
- Cái làng đó với người nông dân có một ý nghĩa cực kì quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần.
 b. Sau cách mạng, đi theo kháng chiến, ông đã có những chuyển biến mới trong tình cảm.
- Được cách mạng giải phóng, ông tự hào về phong trào cách mạng của quê hương, vê việc xây dựng làng kháng chiến của quê ông. Phải xa làng, ông nhớ quá cái không khí “đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá…”; rồi ông lo “cái chòi gác,… những đường hầm bí mật,…” đã xong chưa?
- Tâm lí ham thích theo dõi tin tức kháng chiến, thích bình luận, náo nức trước tin thắng lợi ở mọi nơi “Cứ thế, chỗ này giết một tí, chỗ kia giết một tí, cả súng cũng vậy, hôm nay dăm khẩu, ngày mai dăm khẩu, tích tiểu thành đại, làm gì mà thằng Tây không bước sớm”.
 c. Tình yêu làng gắn bó sâu sắc với tình yêu nước của ông Hai bộc lộ sâu sắc trong tâm lí ông khi nghe tin làng theo giặc.
- Khi mới nghe tin xấu đó, ông sững sờ, chưa tin. Nhưng khi người ta kể rành rọt, không tin không được, ông xấu hổ lảng ra về. Nghe họ chì chiết ông đau đớn cúi gầm mặt xuống mà đi.
- Về đến nhà, nhìn thấy các con, càng nghĩ càng tủi hổ vì chúng nó “cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi”. Ông giận những người ở lại làng, nhưng điểm mặt từng người thì lại không tin họ “đổ đốn” ra thế. Nhưng cái tâm lí “không có lửa làm sao có khói”, lại bắt ông phải tin là họ đã phản nước hại dân.
- Ba bốn ngày sau, ông không dám ra ngoài. Cái tin nhục nhã ấy choán hết tâm trí ông thành nỗi ám ảnh khủng khiếp. Ông luôn hoảng hốt giật mình. Không khí nặng nề bao trùm cả nhà.
- Tình cảm yêu nước và yêu làng còn thể hiện sâu sắc trong cuộc xung đột nội tâm gay gắt: Đã có lúc ông muốn quay về làng vì ở đây tủi hổ quá, vì bị đẩy vào bế tắc khi có tin đồn không đâu chứa chấp người làng chợ Dầu. Nhưng tình yêu nước, lòng trung thành với kháng chiến đã mạnh hơn tình yêu làng nên ông lại dứt khoát: “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”. Nói cứng như vậy nhưng thực lòng đau như cắt.
- Tình cảm đối với kháng chiến, đối với cụ Hồ được bộc lộ một cách cảm động nhất khi ông chút nỗi lòng vào lời tâm sự với đứa con út ngây thơ. Thực chất đó là lời thanh minh với cụ Hồ, với anh em đồng chí và tự nhủ mình trong những lúc thử thách căng thẳng này:
 + Đứa con ông bé tí mà cũng biết giơ tay thề: “ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm!” nữa là ông, bố của nó.
 + Ông mong “Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông”.
 + Qua đó, ta thấy rõ:
 Tình yêu sâu nặng đối với làng chợ Dầu truyền thống (chứ không phải cái làng đổ đốn theo giặc).
 Tấm lòng trung thành tuyệt đối với cách mạng với kháng chiến mà biểu tượng của kháng chiến là cụ Hồ được biểu lộ rất mộc mạc, chân thành. Tình cảm đó sâu nặng, bền vững và vô cùng thiêng liêng: có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.
 d. Khi cái tin kia được cải chính, gánh nặng tâm lí tủi nhục được trút bỏ, ông Hai tột cùng vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu.
- Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí “Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước” của người nông dân lao động bình thường.
- Việc ông kể rành rọt về trận chống càn ở làng chợ Dầu thể hiện rõ tinh thần kháng chiến và niềm tự hào về làng kháng chiến của ông.
 3. Nhân vật ông Hai để lại một dấu ấn không phai mờ là nhờ nghệ thuật miêu tả tâm lí tính cách và ngôn ngữ nhân vật của người nông dân dưới ngòi bút của Kim Lân.
- Tác giả đặt nhân vật vào những tình huống thử thách bên trong để nhân vật bộc lộ chiều sâu tâm trạng.
- Miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ đối thoại và độc thoại.
- Ngôn ngữ của Ông Hai vừa có nét chung của người nông dân lại vừa mang đậm cá tính nhân vật nên rất sinh động.
**C- Kết bài:**- Qua truyện ngắn Làng người đọc thấm thía tình yêu làng, yêu nước rất mộc mạc, chân thành mà vô cùng sâu nặng, cao quý trong những người nông dân lao động bình thường.
- Sự mở rộng và thống nhất tình yêu quê hương trong tình yếu đất nước là nét mới trong nhận thức và tình cảm của quần chúng cách mạng mà văn học thời kháng chiến chống Pháp đã chú trọng làm nổi bật. Truyện ngắn Làng của Kim Lân là một trong những thành công đáng quý.

Ngày soạn : 11/04/2019 *Tiết 8*

Ngày giảng:*:..............*

**TRUYỆN VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG 8 - 1945**

**LẶNG LẼ SA PA**

***-****Nguyễn Thành Long-*

***A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:***

***1. Tác giả:***

- Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, Viết văn từ thời kì kháng chiến chống Pháp. Ông là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí.

- Nguyễn Thành Long là một cây bút cần mẫn và nghiêm túc trong lao động nghệ thuật, lại rất coi trọng thâm nhập thực tế đời sống. Sáng tác của ông hầu như chỉ viết về những vẻ đẹp bình dị của con người và thiên nhiên đất nước.

***2. Tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa”:***

Truyện ngắn *“Lặng lẽ Sa Pa”* là kết quả của chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả. Truyện rút từ tập “Giữa trong xanh” in năm 1972.

***a. Nội dung:***

Khắc họa thành công hình ảnh những người lao động bình thường mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao.

***b. Nghệ thuật:***

- Xây dựng tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.

***c. Chủ đề:***

Khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ‎ý nghĩa của những công việc thầm lặng. Niềm hạnh phúc của con người trong lao động có ích.

***B. CÁC DẠNG ĐỀ:***

***1. Dạng 2 hoặc 3 điểm:***

***\* Đề 1:***

 *Hãy tóm tắt truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long*.

***\* Gợi ‎ý:***

Một họa sĩ già trước khi nghỉ hưu đã có một chuyến đi thực tế ở vùng cao Tây Bắc. Trên chuyến xe, ông ngồi cùng hàng ghế với cô kĩ sư trẻ lên nhận công tác ở Lai Châu. Đến Sa Pa, bác lái xe dừng lại lấy nước và nhân tiện giới thiệu với họa sĩ “một trong những người cô độc nhất thế gian”. Đó là anh thanh niên trông coi trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn 2600 mét.

 Cuộc gặp gỡ giữa bác lái xe, họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ và anh thanh niên diễn ra rất vui vẻ, cảm động. Anh thanh niên hào hứng giới thiệu với khách về công việc hằng ngày của mình – những công việc âm thầm nhưng vô cùng có ích cho cuộc sống. Họa sĩ già phát hiện ra phẩm chất đẹp đẽ, cao quý của anh thanh niên nên đã phác họa một bức chân dung. Qua lời kể của anh, các vị khách còn được biết thêm về rất nhiều gương sáng trong lao động, sản xuất, đem hết nhiệt tình phục vụ sự nghiệp xây dựng và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

***2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:***

***\* Đề 1:***

*Cảm nghĩ của em về nhân vật anh thanh niên trong truyện “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.*

***\* Gợi ‎ý:***

***a. Mở bài:***

- Giới thiệu chung về tác giả và hoàn cảnh ra đời tác phẩm:

+ Tác giả: - Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, Viết văn từ thời kì kháng chiến chống Pháp.

- Ông là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí. Ông là một cây bút cần mẫn và nghiêm túc trong lao động nghệ thuật, lại rất coi trọng thâm nhập thực tế đời sống. Sáng tác của Nguyễn Thành Long hầu như chỉ viết về những vẻ đẹp bình dị của con người và thiên nhiên đất nước.

+ Tác phẩm *“Lặng lẽ Sa Pa”:*

Truyện ngắn *“Lặng lẽ Sa Pa”* là kết quả của chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả. Truyện rút từ tập *“Giữa trong xanh”* in năm 1972.

- Cảm nhận chung về nhân vật anh thanh niên.

***b. Thân bài:***

- Anh thanh niên là nhân vật trung tâm của truyện, chỉ xuất hiện trong giây lát nhưng vẫn là điểm sáng nổi bật nhất trong bức tranh mà tác giả thể hiện.

- Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 mét, với công việc “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày”. Công việc đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.

- Gian khổ nhất đối với anh là phải sống trong hoàn cảnh cô độc, một mình trên đỉnh núi cao hàng tháng hàng năm. Điều ấy khiến anh trở thành một trong những người “cô độc nhất thế gian” và thèm người đến nỗi thỉnh thoảng phải ngăn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để gặp người trò chuyện.

- Ý thức công việc và lòng yêu nghề của mình. Thấy được công việc lặng thầm này là có ích cho cuộc sống và cho mọi người (cụ thể khi ấy là phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Mĩ; Góp phần bắn rơi nhiều máy bay Mĩ trên cầu Hàm Rồng, Thanh Hóa). Anh thấy cuộc sống và công việc của mình thật có ‎ ý nghĩa, thật hạnh phúc.

- Yêu sách và rất ham đọc sách – những người thầy, người bạn tốt lúc nào cũng sẵn sàng bên anh.

- Anh không cảm thấy cô đơn vì biết tổ chức, sắp xếp cuộc sống khoa học, ngăn nắp, chủ động, ngoài công việc anh còn chăm hoa, nuôi gà, nhà cửa và nơi làm việc nhỏ nhắn, xinh xắn, gọn gàng và khá đẹp.

- Ở người thanh niên ấy còn có những nét tính cách và phẩm chất rất đáng quí: sự cởi mở, chân thành, rất quí trọng tình cảm con người, khao khát gặp gỡ mọi người.

- Anh còn là người rất khiêm tốn, thành thực. Cảm thấy công việc và những lời giới thiệu nhiệt tình của bác lái xe về mình là chưa xứng đáng, đóng góp của mình chỉ là bình thường nhỏ bé so với bao nhiêu người khác. Khi ông họa sĩ muốn kí họa chân dung, anh từ chối, e ngại và giới thiệu những người khác cho ông vẽ.

- Anh còn là người rất ân cần chu đáo, hiếu khách: Trao gói tam thất cho bác lái xe, tiếp đón nồng nhiệt, chân thành tự nhiên với ông học sĩ và cô kĩ sư, tặng hoa, tặng làn trứng tươi cho hai vị khách quí…

***c. Kết bài:***

Chỉ qua một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, qua cảm nhận của các nhân vật khác, chân dung tinh thần của người thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu đã hiện lên rõ nét và đầy sức thuyết phục với những phẩm chất tốt đẹp, trong sáng về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về nghề nghiệp, cuộc sống. Đó là một trong những con người lao động trẻ tuổi, làm công việc lặng lẽ mà vô cùng cần thiết, có ích cho nhân dân, đất nước.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn : 10/04/2019 *Tiết 9*

Ngày giảng:*:..............*

**TRUYỆN VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG 8 - 1945**

CHIẾC LƯỢC NGÀ

- Nguyễn Quang Sáng-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả:

- Nguyễn Quang Sáng 1932, quê ở An Giang. Ông là nhà văn quân đội trưởng thành trong quân ngũ từ hai cuộc kháng chiến của dân tộc, chuyên viết về cuộc sống và con người Nam Bộ.

2. Tác phẩm “Chiếc lược ngà”.

a. Nội dung:

 Truyện đã diễn tả một cách cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Qua đó tác giả khẳng định và ca ngợi tình cảm cha con thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc, nó càng cao đẹp trong những cảnh ngộ khó khăn.

b. Nghệ thuật:

 Cốt truyện chặt chẽ, tình huống bất ngờ nhưng hợp lý. Truyện thành công trong việc miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật.

c. Chủ đề:

 Tình cha con sâu sắc và cảm động của người chiến sĩ Cách mạng trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ Tổ quốc.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

 ***1. Dạng đề 2 đến 3 điểm:***

Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật bé Thu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà’’ của Nguyễn Quang Sáng.

 **1. Mở bài:**

* Giới thiệu được tác giả, tác phẩm và nhân vật bé Thu với tài năng miêu tả tâm lý nhân vật.

- Cảm nhận chung về nhân vật bé Thu.

**2. Thân bài:**

 Phân tích diễn biến tâm lý của nhân vật bé Thu - nhân vật chính của đoạn trích “Chiếc lược ngà’’ một cô bé hồn nhiên ngây thơ, có cá tính bướng bỉnh nhưng yêu thương ba sâu sắc.

 - Khái quát được cảnh ngộ của gia đình bé Thu, đất nước có chiến tranh, cha đi công tác khi Thu chưa đầy một tuổi, lớn lên em chưa một lần gặp ba được ba chăm sóc yêu thương, tình yêu Thu dành cho ba chỉ gửi trong tấm ảnh ba chụp chung cùng má.

 - Diễn biến tâm lý của bé Thu trước khi nhận anh Sáu là cha:

 + Yêu thương ba nhưng khi gặp anh Sáu, trước những hành động vội vã thái độ xúc động, nôn nóng của cha…Thu ngạc nhiên lạ lùng, sợ hãi và bỏ chạy….những hành động chứa đựng sự lảng tránh đó lại hoàn toàn phù hợp với tâm lí trẻ thơ bởi trong suy nghĩ của Thu anh Sáu là người đàn ông lạ lại có vết thẹo trên mặt giần giật dễ sợ.

 + Trong hai ngày sau đó Thu hoàn toàn lạnh lùng trước những cử chỉ đầy yêu thương của cha, nó cự tuyệt tiếng ba một cách quyết liệt trong những cảnh huống mời ba vào ăn cơm, xử lí nồi cơm sôi, và thái độ hất tung cái trứng cá trong bữa cơm…Từ cự tuyệt nó đã phản ứng mạnh mẽ….nó căm ghét cao độ người đàn ông măt thẹo kia, nó tức giận, và khi bị đánh nó đã bỏ đi một cách bất cần…. đó là phản ứng tâm lí hoàn toàn tự nhiên của một đứa trẻ có cá tính mạnh mẽ… Hành động tưởng như vô lễ đáng trách của Thu lại hoàn toàn không đáng trách mà còn đáng thương, bởi em còn quá nhỏ chưa hiểu được những tình thế khắc nghiệt éo le của đời sống. Đằng sau những hành động ấy ẩn chứa cả tình yêu thương ba,sự kiêu hãnh của trẻ thơ về một tình yêu nguyên vẹn trong sáng mà Thu dành cho ba.

 - Diễn biến tâm lý của Thu khi nhận ba:

 + Sự thay đổi thái độ đến khó hiểu của Thu, không ương bướng mà buồn rầu nghĩ ngợi sâu xa, ánh mắt cử chỉ hành động của bé Thu như thể hiện sự ân hận, sự nuối tiếc, muốn nhận ba nhưng e ngại vì đã làm ba giận.

 + Tình yêu thương ba được bộc lộ hối hả ào ạt mãnh liệt khi anh Sáu nói “Thôi ba đi nghe con”. Tình yêu ấy kết đọng trong âm vang tiếng **Ba** trong những hành động vội vã: Chạy nhanh như con sóc, nhảy thót lên, hôn ba nó cùng khắp, trong lời ước nguyện mua cây lược, tiếng khóc nức nở…Đó là cuộc hội ngộ chia tay đầy xúc động, thiêng liêng đã tác động sâu sắc đến bác Ba, mọi người …

 + Sự lý giải nguyên nhân việc hiểu lầm của bé Thu đựợc tác giả thể hiện thật khéo léo đó là do vết thẹo trên mặt người ba khi hiểu ra sự thực Thu “nằm im lăn lộn thở dài như người lớn”. Vết thẹo không chỉ gây ra nỗi đau về thể xác mà còn hằn nên nỗi đau về tinh thần gây ra sự xa cách hiểu lầm giữa cha con bé Thu. Nhưng chiến tranh dù có tàn khốc bao nhiêu thì tình cảm cha con anh Sáu càng trở lên thiêng liêng sâu lặng.

 - Khẳng định lại vấn đề: Ngòi bút miêu tả tâm lý khắc hoạ tính cách nhân vật tinh tế thể hiện được ở bé Thu một cô bé hồn nhiên ngây thơ, mạnh mẽ cứng cỏi yêu ghét rạch ròi. Trong sự đối lập của hành động thái độ trước và sau khi nhân ba lại là sự nhất quán về tính cách về tình yêu thương ba sâu sắc.

 - Những năm tháng sống gắn bó với mảnh đất Nam Bộ, trái tim nhạy cảm, nhân hậu, am hiểu tâm lý của trẻ thơ đã giúp tác giả xây dựng thành công nhân vật bé Thu.

 - Suy nghĩ về đời sống tình cảm gia đình trong chiến tranh, trân trọng tình cảm gia đình trong cuộc sống hôm nay.

**3. Kết bài:**

 Khẳng định thành công, đồng thời bộc lộ ấn tượng sâu đậm nhất về nhân vật cũng như toàn bộ tác phẩm.

**Đề 1**:

*Tóm tắt truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng*.

**Gợi ý:**

Anh Sáu thoát li đi kháng chiến từ lúc đứa con gái chưa đầy một tuổi. Vì hoàn cảnh công tác, 8 năm sau anh có dịp ghé thăm nhà.

Anh càng muốn gần con thì đứa bé càng lạnh lùng xa cách, không chịu nhận anh là ba. Vì thấy anh khác xa với tấm ảnh chụp chung với má trước đây.

Nhờ bà ngoại giải thích về vết thẹo do đạn thù bắn trên mặt cha nó, bé Thu mới chịu nhận ba vào thời điểm anh Sáu phải lên đường.

Ở chiến khu, anh kì công làm cho con gái chiếc lược bằng miếng ngà voi với hi vọng sẽ trao được tận tay con. Nhưng anh Sáu đã hi sinh trong một trận giặc càn. Trước lúc anh nhắm mắt, bác Ba – một đồng đội thân thiết hứa sẽ đưa giùm anh chiếc lược cho con gái. Lúc nhận được chiếc lược thì bé Thu đã trở thành một cô giao liên dũng cảm.

 .........................................................................................

Ngày soạn 18/04/2019 *Tiết 10*

Ngày giảng:*:..............*

**TRUYỆN VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG 8 - 1945**

***Văn bản: “Bến quê”***

***- Nguyễn Minh Châu -***

***A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:***

***1. Tác giả :***

Nguyễn Minh Châu (1930 -1989) là một trong những nhà văn tiêu biểu của văn học VN thời kỳ chống Mỹ với những thành công về tiểu thuyết và truuyện ngắn. Sáng tác của Nguyễn Minh Châu thời kỳ này là thể hiện khát vọng của nhà văn  ‘đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người’

 Sau kháng chiến, ông là người đi tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học để đáp ứng những đòi hỏi của cuộc sống ở một thời kỳ mới.

Tác phẩm của ông đã thể hiện những tìm tòi đổi mới về tư tưởng và nghệ thuật, gây được những tiếng vang rộng rãi trong công chúng và giới văn học.

2***. Tác phẩm :*** Truyện ngắn « Bến quê » in trong tập truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Minh Châu, xuất bản năm 1985.

***B. CÁC DẠNG ĐỀ:***

***Câu 1 : Nêu tình huống truyện « Bến Quê » và tác dụng của việc xây dựng tình huống đó.***

\* Tình huống.

- Căn bệnh hiểm nghèo khiến Nhĩ, người đã đi đến hầu khắp mọi nơi trên thế giới - hầu như bị liệt toàn thân không thế tự di chuyển được, dù chỉ là nhích nửa người trên giường bệnh. Tất cả mọi sinh hoạt của anh đều phải nhờ vào sự giúp đỡ của người khác mà chủ yếu là của Liên, vợ anh.

- Tình huống trớ trêu ấy lại dẫn đến một tình huống tiếp theo, cũng đầy nghịch lí. Khi Nhĩ đã phát thiện thấy vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông ngay phía trước cửa sổ nhà anh, nhưng anh biết rằng sẽ không bao giờ có thể được đặt chân lên mảnh đất ấy, dù nó ở rất gần anh, Nhĩ đã nhờ cậu con trai thực hiện giúp mình cái điều khao khát ấy, nhưng rồi cậu ta lại sa ào một đám chơi cờ trên hè phố và có thể lỡ chuyến đò ngang duy nhất trong ngày.

\* Tác dụng : Tạo ra một chuỗi những tình hống nghịch lí như trên, tác giả muốn lưu ý người đọc một nhận thức về cuộc đời : cuộc sống và số phận con người chứa đựng những điều bất thường, những nghịch lí, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những dự định, ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính củ người ta. Bên cạnh đó, tác giả còn muốn gửi gắm mọi suy ngẫm : trong cuộc đời, người ta hướng đến những điều cao xa mà vô tình không biết đến những vẻ đẹp gần gũi ngay bên cạnh mình.

***Câu 2 : Tóm tắt truyện « Bến quê » khoảng 5 -6 dòng.***

Buổi sáng đầu thu. Nhĩ bị bệnh nặng nằm bên cửa sổ để Liên - vợ anh săn sóc. Anh nghĩ suốt đời mình đã làm vợ khổ. Nhĩ nhìn qua cửa sổ đã phát hiện thấy vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông ngay phía trước cửa sổ nhà anh và trong anh bỗng bừng lên khao khát được đặt chân lên vùng đất ấy, anh cũng biết rằng sẽ không bao giờ thực hiện được điều ấy. Anh sai thằng Tuấn (con trai) thay anh sang bên kia sông chơi loanh quanh một lúc. Chàng trai vâng lời nhưng lại ham vui nên muộn chuyến đò. Bọn trẻ hàng xóm sang giúp anh. Cụ giáo Khuyến ghé vào hỏi thăm. Nhĩ cố sức giơ tay ra ngoài cửa sổ như ra hiệu khẩn thiết cho một người nào đó.

 ***Câu 3 : Tìm hiểu những hình ảnh, chi tiết trong truyện mang tính biểu tượng :***

Trong truyện « Bến quê », hầu như mọi hình ảnh đều mang hai lớp nghĩa : nghĩa thực và nghĩa biểu tượng. Ý nghĩa biểu tượng được gợi ra từ hình ảnh thực và hai lớp nghĩa này gắn bó thống nhất với nhau đem đến cho truyện ngắn này một vẻ đẹp riêng : vừa gợi cảm, sinh động, vừa khái quát triết lí.

- Hình ảnh bãi bồi, bến sông và toàn bộ khung cảnh thiên nhiên được dựng lên trong truyện mang ý nghĩa biểu tượng cho vẻ đẹp gần gũi, bình dị, thân thuộc của quê hương, xứ sở, của những gì thân thương nhất mà trong một đời người thường dễ dàng lãng quên bởi chính cái điều vòng vèo hay chùng chình thường mắc phải.

- Những bông hoa bằng lăng nhợt nhạt khi mới nở ; đậm sắc hơn khi đã sắp hết mùa, rồi lại càng thẫm màu hơ, một màu tím thẫm như bóng tối. Đó là ý nghĩa biểu tượng về không gian và thời gian : cái đẹp gần gũi bình dị rồi cũng tàn phai bởi thời gian luôn thay đổi với những bước đi của nhịp hải hà.

- Những tảng đất lở bên bờ sông khi con lũ đầu nguồn đã dồn về, đổ ụp vào trong giấc ngủ của Nhĩ báo hiệu trước sự sống của nhân vật Nhĩ cũng đã sắp lụi tàn

- Chân dung và cử chỉ của Nhĩ ở đoan cuối truyện : chỉ còn đôi bàn tay với những ngón tay vừa bấu chặt vừa run lẩy bẩy.. Cánh tay gầy guộc đưa ra ngoài phía cửa sổ khoát khoát như đang hụt hẫng, cố bám víu hiện tại nhưng lại vô vọng bởi chính cái sự vòng vèo và chùng chình của người con. Hình ảnh này mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. Chân dung của Nhĩ ở cuối truyện là chân dung của một con người đang đi vào cõi chết nhưng đã thức nhận được cuộc đời và chính mình trong « một nỗi mê say đầy đau khổ ». khiến mặt mũi « đỏ rựng một cách khác thường ». Hành động cuối cùng của Nhĩ có thể hiểu là anh đang nôn nóng thúc giục cậu con trai hãy mau kẻo lỡ chuyến đò duy nhất trong ngày. Nhưng không dừng ở cụ thể, hình ảnh này còn mang ý nghĩa khái quát. Cái cánh tay giơ lên khoát khoát của con người đã bước tới ngưỡng cửa của cái chết phải chăng là ước muốn cuối cùng của Nhĩ gửi lại cho đời : anh muốn thức tỉnh mọi người hãy sống khẩn trương, có ích, đừng sa vào những cái « vòng vèo, chùng chình », hãy dứt ra khỏi nó để hướng tới những giá trị đích thực, vốn rất giản dị gần gũi và bền vững của gia đình và của quê hương.

***Câu 4 : Phân tích hiềm khao khát của nhân vật Nhĩ trong giờ phút cuối cùng của cuộc đời.***

- Trên giường bệnh, qua khung cửa sổ,. Nhĩ đã nhận thấy vẻ đẹp của thiên nhiên trong một buổi sáng đầu thu với những bông hoa bằng lăng cuối mùa thưa thớt nhưng lại đậm sắc hơn ; con sông Hồng màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra ; vòm trời như cao hơn ; và sau cùng là điểm nhìn của anh dừng lại ở cái bãi bồi bên kia sông : « Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông, và cả một vùng phù sa lâu đời của bãi bồi bên kia sông Hồng lúc này đang phô ra trước khung cửa gian gác nhà Nhĩ một một thứ màu vàng thau xen lẫn màu xanh non- những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, như hơi thở của đất màu mỡ ». Thật kì lạ, cái bãi bồi vốn quen thuộc gần gũi ấy bỗng như mới mẻ với anh trong buổi sáng đầu thu này, ngỡ như lần đầu tiên anh cảm nhận được tất cả vẻ đẹp và sự giàu có của nó. Bởi đây là một chân trời gần gũi mà lại xa lắc vì chưa hề bao giờ đi đến ». Cho nên trong cái giờ phút cảm thấy sắp từ giã cõi đời, trong anh bỗng bừng dậy khao khát mãnh liệt là được đặt chân một lần lên cái bãi bồi bên kia sông- cái bãi bồi thân quen của quê hương mà suốt cả cuộc đời dường như anh đã quên nó, hờ hững với nó. Giờ đây, thấy lại được vẻ đẹp và sự giàu có của nó thì đã quá muộn và niềm khát khao ấy tuy bùng lên mạnh mẽ nhưng chỉ là một niềm khát khao vô vọng, vì hơn ai hết, anh biết chắc mình sẽ chẳng bao giờ đến được đó.

- Sang được bờ sông bên kia, với Nhĩ vừa là ước mơ, vừa là suy ngẫm về cuộc đời. Tính biểu tượng từ « cái bên kia sông mở ra hai tầng ý nghĩa. Trước hết đó là một ước mơ : con người ta hãy đi đến cái « bên kia sông » của cuộc đời mà mình chưa tới. Hình ảnh con sông Hồng phải chăng là ranh giới giữa cái thực và cái mộng mà chiếc cầu nối là con đò qua lại mỗi ngày chỉ có một chuyến mà thôi. Muốn đến với cái thế giới ước mơ kia đừng có do dự, vòng vèo mà bỏ lỡ. Thế giới ước mơ ấy chẳng qua chỉ là trong tâm tưởng của con người nên có thể nó sẽ là một ước mơ tuyệt mĩ hoặc chẳng là cái gì cụ thể cả. Tuy vậy nó lại là cái đích mà con người ta phải bôn tẩu, kiếm tìm, vượt qua bao nhiêu gian truân, khổ ải mà chưa chắc đã đến được. Cái vùng « mơ ước tâm tưởng » ấy không phải ai cũng hiểu được nếu chưa ở độ chín của sự từng trải hoặc quá ngây thơ. Chẳng hạn như Tuấn, con trai anh, do không hiểu được cái thế giới ước mơ kia của Nhĩ, vâng lời bố mà đi nhưng không hề biết vì sao nó phải đi, ở bên kia sông có gì lạ. Nó sẵn sàng và sà vào đám người chơi phá cờ thế bên hè » là lẽ dĩ nhiên. Còn Nhĩ, khi biết thằng bé đã đi, tâm hồn anh trào dâng bao nhiêu náo nức. Nó cũng là « một cánh buồm vừa bắt gió căng phồng lên ». Hình ảnh đứa con, hình ảnh của ước vọng từ « cái mũ cói rộng vành  và chiếc sơ mi màu trứng sáo » cứ chập chờn, khi là đứa con, khi chính là mình. Hình ảnh tuyệt vời, trẻ trung này là mơ ước của anh.

- Niềm khao khát đó nói lên nhiều điều có ý nghĩa :

+ Sự thức tỉnh về những giá trị bền vững, bình thường và sâu xa của cuộc sống - những giá trị thường bị người ta bỏ qua, lãng quên, nhất là lúc còn trẻ, khi những ham muốn xa vời đang lôi cuốn con người tìm đến.

+ Đó là sự thức tỉnh « giống như một niềm mê say pha lẫn với nỗi ân hận đau đớn » nhưng đó là một « sự thức nhận đau đớn sáng ngời của con người » (Lê Văn Tùng)

Ngày soạn 18/04/2019 *Tiết 11*

Ngày giảng:*:..............*

***NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI***

 *- Lê Minh Khuê-*

***A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:***

**1. Tác giả:**

- Lê Minh Khuê sinh năm 1949, quê ở huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá. Từ một nữ sinh Trung học phổ thông Lê Minh Khuê gia nhập đội thanh niên xung phong thời chống Mĩ cứu nước. Năm 1970 chị bắt đầu viết văn.Trong những năm chiến tranh, truyện của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của thanh niên xung phong (mà bản thân chị là thành viên) và bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn đã gây được sự chú ý của bạn đọc.

 - Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người với tinh thần đổi mới mạnh mẽ, tâm lí tinh tế, sắc sảo, đặc biệt là tâm lí nhân vật phụ nữ.

**2. Tác phẩm:**

- Truyện " Những ngôi sao xa xôi" ở trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

- Lê Minh Khuê am hiểu cặn kẽ nỗi lòng cùng với tâm lí của những con người tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn.

- Truyện được trần thuật qua lời một nhân vật nữ Phương Định, một cô gái thanh niên xung phong trẻ nhiều mơ mộng, có tâm hồn nhạy cảm và trong sáng.

**a. Nội dung:**

 Truyện “Những ngôi sao xa xôi” đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mộng mơ, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ.

**b. Nghệ thuật:**

 Truyện sử dụng vai kể là nhân vật chính, có cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung và đặc biệt thành công về nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật.

**c. Chủ đề:**

 Ca ngợi những cô gái thanh niên xung phong trên những nẻo đường Trường Sơn thời kì kháng chiến chống Mĩ với tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần lạc quan, dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan. Đó là hình ảnh đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam những năm sáu mươi, bảy mươi của thế kỉ XX.

***B. CÁC DẠNG ĐỀ:***

 **Đề 1:**

 *Vẻ đẹp tính cách và tâm hồn của các nhân vật nữ thanh niên xung phong trong truyện "* ***Những ngôi sao xa xôi"*** *của Lê Minh Khuê.*

**Dàn bài:**

**1. Mở bài**

 ( Nêu những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm)

 - Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn. Trong những năm chiến tranh, truyện của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên con đường đổi mới.

 - Truyện " Những ngôi sao xa xôi" ở trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

**2. Thân bài**

\* Vẻ đẹp chung của các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

 - Đó là những cô gái tuổi đời còn trẻ. Vì nhiệm vụ giải phóng miền Nam, họ đã không tiếc tuổi xuân chiến đấu, cống hiến cho đất nước.

 - Công việc của họ là trinh sát mặt đường gặp nhiều khó khăn nguy hiểm. Họ phải làm việc dưới mưa bom bão đạn, phải phá bom thông đường để những đoàn quân tiến vào giải phóng miền Nam.

 - Họ mang lí tưởng chiến đấu để thống nhất Tổ Quốc nên đều giàu tinh thần trách nhiệm, coi thường gian khổ. Mỗi nhân vật có nét tính cách riêng nhưng họ yêu thương, lạc quan, có niềm tin vào tình yêu đất nước.

\* Vẻ đẹp riêng của các cô gái thanh niên xung phong

 *a) Nhân vật Phương Định.*

 - Đây là cô gái Hà Nội trẻ trung yêu đời. Phương Định thích ngắm mình trong gương, là người có ý thức về nhan sắc của mình. Cô có hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Đôi mắt màu nâu, dài dài, hay nheo nheo như chói nắng...

 - Phương Định là nhân vật kể chuyện xưng tôi đầy nữ tính.Cô đẹp nhưng không kiêu căng mà có sự thông cảm, hoà nhập. Cô thích hát dân ca quan họ Bắc Ninh, dân ca ý, đặc biệt hát bài Ca Chiu Sa. Cô có tài bịa lời cho những bài hát. Những bài hát về cuộc đời, về tình yêu và sự sống cất lên giữa cuộc chiến tranh ác liệt tôn thêm vẻ đẹp của những cô thanh niên xung phong có niềm tin vào cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc.

 - Phương Định là cô gái dũng cảm. Hành động phá bom của cô cùng đồng đội đã góp phần thông mạch giao thông. Cảnh phá bom vừa hồi hộp, vừa căng thẳng, cho người đọc hình dung cuộc chiến tranh tàn khốc như thế nào nhưng cô vẫn bình tĩnh vì một ngày ít nhất các cô phải phá bom ba lần, đó là chuyện thường tình. Có lúc Phương Định nghĩ đến cái "chết" nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính liệu mìn có nổ, bom có nổ không?

 - Phương Định là cô gái dễ thương, hay xúc động. Chứng kiến cảnh trận mưa đá cô nhớ về Hà Nội, nhớ mẹ, nhớ cái cửa sổ, nhớ những ngôi sao, nhớ quảng trường lung linh... Những hoài niệm; kí ức dội lên sâu thẳm càng chứng tỏ sự nhạy cảm trong tâm hồn cô gái Hà Nội mơ mộng, lãng mạn, thật đáng yêu.

 *b) Nhân vật Thao*

 Đây là cô gái lớn tuổi nhất trong nhóm, là đội trưởng tổ trinh sát mặt đường. ở chị có những nét dễ nhớ ấn tượng. Chị cũng tỉa tót lông mày nhỏ như cái tăm, cương quyết, mạnh mẽ, táo bạo. Chị không sợ bom đạn, chỉ đạo công việc dứt khoát nhưng lại rất sợ máu và vắt.

 - Chị yêu thương đồng đội đúng vai trò của người chị cả. Khi Nho bị thương, chị rất lo lắng, săn sóc tận tình từng hớp nước, cốc sữa. Tình đồng đội sưởi ấm tâm hồn những cô gái lúc khó khăn nhất.

 - Chị Thao cũng thích hát dù hát sai lời và sai nhạc. Tiếng hát yêu đời, cất lên từ cuộc chiến tranh để khẳng định bản lĩnh, sức mạnh, niềm tin vào lí tưởng của thanh niên thời đại những năm chống Mĩ.

 *c) Nhân vật Nho.*

 - Nho xuất hiện trong thời điểm quan trọng của câu chuyện. Đó là lúc phá bom, khi ranh giới của sự sống và cái chết gần kề gang tấc. Nho nhỏ nhẹ, dịu dàng, duyên dáng " Trông nó nhẹ mát mẻ như một que kem trắng"

**3. kết luận**

 - Khẳng định tâm hồn trong sáng sự hồn nhiên và tính cách dũng cảm, lạc quan của các nhân vật nữ thanh niên xung phong.

 **Đề 1:**

 *Hãy tóm tắt truyện ngắn* ***"Những ngôi sao xa xôi"*** *bằng một đoạn văn khoảng 20 câu.*

**Gợi ý:**

 Đoạn tóm tắt truyện gồm các ý sau:

 - Tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn gồm ba nữ thanh niên xung phong rất trẻ là Phương Định, Nho và tổ trưởng là chị Thao.

 - Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu vị trí các trái bom chưa nổ và phá bom.

 - Công việc của họ nguy hiểm, thường xuyên đối mặt với thần chết.

 - Cuộc sống của họ gian khổ, nguy hiểm nhưng họ vẫn có niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút thanh thản mơ mộng và dù mỗi người một tính, họ vẫn rất yêu thương nhau.

 - Phương Định là cô gái mơ mộng, hồn nhiên và dũng cảm.

 - Phần cuối truyện kể về hành động, tâm trạng các nhân vật trong lúc chăm sóc Nho bị thương khi phá bom.

**2. Dạng đề 7 điểm**

 **Đề 1:**

 *Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Phương Định trong tác phẩm "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.*

 **Dàn bài:**

**1. Mở bài**

Giới thiệu những nét chính về tác giả Lê Minh Khuê, truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" và các nhân vật trong truyện.

 - "Những ngôi sao xa xôi" " của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của " *Tổ trinh sát mặt đường*" trên con đường chiến lược Trường Sơn thời đánh Mĩ. *Tổ trinh sát mặt đường* gồm có ba cô thanh niên xung phong: Nho, Phương Định và chị Thao, họ ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, ở đó, máy bay Mĩ đánh phá dữ dội. Công việc của họ vô cùng nguy hiểm, gian khổ là đo và ước tính khối lượng đất đá bị địch đào xới, đếm, đánh dấu và phá bom nổ chậm, trong khi ấy thần chết là một tay không thích đùa *luôn lẩn trong ruột những quả bom*. Thần kinh căng như chão. Xong việc từ cao điểm trở về hang, cô nào cũng chỉ thấy *hai con mắt lấp lánh*, *hàm răng loá lên*, khi cười, khuôn mặt thì *lem luốc*.

 - Cả ba cô, cô nào cũng đáng mến, đáng cảm phục. Nhưng Phương Định là cô gái để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng ta.

**2. Thân bài**

- Phương Định, con gái Hà Nội *hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn*. Đôi mắt cô được các anh lái xe bảo là *có cái nhìn sao mà xa xăm*. Nhiều pháo thủ và lái xe hay "*hỏi thăm*" hoặc "*viết những bức thư dài gửi đường dây*" cho Định. Cô có vẻ kiêu kì, làm *"điệu*" khi tiếp xúc với một anh bộ đội *nói giỏi* nào đấy, nhưng trong suy nghĩ của cô thì *những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ*.

 - Phương Định là một cô gái rất hồn nhiên, yêu đời, giàu cá tính. Thuở nhỏ đã hay hát. Cô có thể ngời lên thành cửa sổ căn phòng nhỏ bé nhà mình *hát say sưa ầm ĩ*. Bàn học lúc nào cũng *bày bừa bãi lên*, để đến nỗi mẹ phải mắng. Sống trong cảnh bom đạn ác liệt, cái chết kề bên, Định lại càng hay hát. Những bài hành khúc, những điệu dân ca quan họ, bài Ca-chiu-sa của Hồng quân Liên Xô, bài dân ca ý...Định còn bịa ra lời những bài hát, Định hát trong những khoảng khắc *im lặng*, hát để động viên Nho, chị Thao và động viên mình. Hát khi máy *bay rít, bom nổ*. Đúng là *tiếng hát át tiếng bom* của những người con gái trong tổ trinh sát mặt đường, những con người *khao khát làm nên những sự tích anh hùng.*

 - Trong khángchiến chống Mĩ, tiền tuyến vẫy gọi, hàng vạn cô gái mang chí khí Bà Trưng, Bà Triệu xung phong ra tiền tuyến trong đó có Phương Định. Con đường Trường Sơn huyền thoại được làm nên bằng xương máu, mồ hôi và bao sự tích phi thường của những người con gái Việt Nam anh hùng.

 - *Những ngôi sao xa xôi* tái hiện chân thực diễn biến tâm lí Phương Định trong một lần phá bom nổ chậm. Cô dũng cảm, bình tĩnh tiến đến gần quả bom *đàng hoàng mà bước tới*. Định dung lưỡi xẻng đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom, có lúc Định *rùng mình* vì cảm thấy tại sao mình làm chậm thế! Rồi bom nổ váng óc, đất rơi lộp bộp, mắt cay mãi mới mở được, cát lạo xạo trong miệng. Đó là cuộc sống thường nhật của họ. Phương Định cho biết *tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng đó là một cái chết mờ nhạt không cụ thể*.. Phương Định cùng Nho, chị Thao đã sáng ngời trong khói bom lửa đạn. Chiến công thầm lặng của họ bất tử với năm tháng và lòng người.

 - Phương Định cô gái Hà Nội xinh đẹp, dũng cảm trong lửa đạn, giàu tình yêu thương đồng đội, trong sáng, mộng mơ, thích làm duyên như cô thôn nữ ngày xưa soi mình xuống giếng làng vừa mỉm cười vừa vuốt tóc. Họ có mặt trên những trọng điểm của con đường Trường Sơn chiến lược và trái tim rực đỏ của họ của những người con gái Việt Nam anh hùng là *những ngôi sao xa xôi* mãi mãi lung linh, toả sáng.

**3. Kết luận**

 "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê đã làm sống lại trong lòng ta hình ảnh tuyệt đẹp về những chiến công phi thường của tổ trinh sát mặt đường, của Nho, Định, Thao, của hàng vạn cô thanh niên xung phong thời đánh Mĩ. Chiến công thầm lặng của Phương Định và đồng đội là bài ca anh hùng.

 - Đọc "Những ngôi sao xa xôi" ta như được sống lại những năm tháng hào hùng của đất nước. Những Phương Định gần xa vẫn toả sáng hồn ta với bao ngưỡng mộ

Ngày soạn 19/04/2019 *Tiết 12*

Ngày giảng:*:..............*

**CHUYÊN ĐỀ 3**

**THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945**

**Chủ đề 1: Tình yêu đất nước và tinh thần cách mạng**

**ĐỒNG CHÍ**

 *(Chính Hữu)*

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN

**1. Tác giả:**

- Tên thật là Trần Đình Đắc( 1926 -2007) quê huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

- Là nhà thơ trưởng thành trong quân đội.

- Thơ của ông hầu như chỉ viết về người lính và hai cuộc kháng chiến.

- Thơ của Chính Hữu có những bài đặc sắc, cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ và hình ảnh chọn lọc, hàm súc.

**2. Tác phẩm:**

 **a. Nội dung:**

 - Cơ sở hình thành tình đồng chí : Bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân của những người lính. Hình thành từ chỗ chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng, sát cánh bên nhau trong hàng ngũ chiến đấu. Tình đồng chí nảy nở và trở thành bền chặt trong sự chan hòa và chia sẻ với nhau.

 - Những biểu hiện cảm động của tình đồng chí : Tình đồng chí là sự cảm thông sâu sắc tâm tư nỗi niềm của nhau (nỗi nhớ quê hương, người thân, những khó khăn nơi quê nhà), là cùng nhau chia sẻ những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính (những năm tháng chống Pháp).

 - Hình ảnh kết thúc bài thơ : Bức tranh đẹp về tình đồng chí đồng đội, là biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ. Hình ảnh khép lại của bài thơ có sự kết hợp hài hòa giữa chất hiện thực và chất lãng mạn.

 **b. Nghệ thuật**:

- Thể thơ tự do

- Chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng, giàu sức biểu cảm.

 **c. Chủ đề:** Người lính và tình yêu đất nước và tinh thần cách mạng.

**B. CÁC DẠNG ĐỀ**.

 **1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm.**

**Đề 1:**  *Viết một đoạn văn (15 -> 20 dòng) nêu cảm nhận của em về khổ thơ cuối trong bài thơ " Đồng chí" của Chính Hữu.*

 "Đêm nay rừng hoang sương muối
 Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

 Đầu súng trăng treo."

**Gợi ý**

- Cảnh thực của núi rừng trong thời chiến khốc liệt hiện lên qua các hình ảnh : rừng hoang, sương muối. Người lính vẫn sát cánh cùng đồng đội : đứng cạnh bên nhau, mai phục chờ giặc.

- Hình ảnh *"Đầu súng trăng treo"* vừa có ý nghĩa tả thực, vừa có tính biểu trưng của tình đồng đội và tâm hồn bay bổng lãng mạn của người chiến sĩ. Phút giây xuất thần ấy làm tâm hồn người lính lạc quan thêm tin tưởng vào cuộc chiến đấu và mơ ước đến tương lai hoà bình. Chất thép và chất tình hoà quện trong tâm tưởng đột phá thành hình tượng thơ đầy sáng tạo của Chính Hữu.

**2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm.**

 **Đề 1**: *Tình đồng chí cao quý của các anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp qua bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.*

 **a- Mở bài:**

 - Giới thiệu về tác giả và hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

 - Nêu nhận xét chung về bài thơ (như đề bài đã nêu)

 **b- Thân bài:**

 ***\* Cơ sở hình thành tình đồng chí:***

 - Xuất thân nghèo khổ: *Nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá*

 - Chung lí tưởng chiến đấu: *Súng bên súng, đầu sát bên đầu*

 - Chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui, họ nhập lại trong một đội ngũ gắn bó keo sơn: *nước mặn, đất sỏi đá* (người vùng biển, kẻ vùng trung du), *đôi người xa lạ, chẳng hẹn quen nhau*, rồi đến *đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.*

 - Kết thúc đoạn là dòng thơ chỉ có một từ : *Đồng chí*!

(một nốt nhấn, một sự kết tinh cảm xúc).

 ***\* Biểu hiện của tình đồng chí:***

 - Họ cảm thông chia sẻ tâm tư, nỗi nhớ quê: nhớ ruộng nương, lo cảnh nhà gieo neo (*ruộng nương… gửi bạn, gian nhà không … lung lay*), từ *“mặc kệ”* chỉ là cách nói có vẻ phớt đời, về tình cảm phải hiểu ngược lại), giọng điệu, hình ảnh của ca dao (*bến nước, gốc đa*) làm cho lời thơ càng thêm thắm thiết.

 - Cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn, những cơn sốt rét rừng nguy hiểm: những chi tiết đời thường trở thành thơ (*tôi với anh biết từng cơn ớn lạnh,…*) ; từng cặp chi tiết thơ sóng đôi như hai đồng chí bên nhau : *áo anh rách vai / quần tôi có vài mảnh vá ; miệng cười buốt giá / chân không giày ; tay nắm / bàn tay.*

 - Kết đoạn cũng quy tụ cảm xúc vào một câu : *Thương nhau tay nắm lấy bàn tay* (tình đồng chí truyền hơi ấm cho đồng đội, vượt qua bao gian lao)

 ***\* Biểu tượng của tình đồng chí:***

 - Cảnh chờ giặc căng thẳng, rét buốt : *đêm, rừng hoang, sương muối.*

 - Họ càng sát bên nhau vì chung chiến hào, chung nhiệm vụ chiến đấu : *chờ giặc.*

 - Cuối đoạn mà cũng là cuối bài cảm xúc lại được kết tinh trong câu thơ rất đẹp : *Đầu súng trăng treo* (như bức tượng đài người lính, hình ảnh đẹp nhất, cao quý nhất của tình đồng chí, cách biểu hiện thật độc đáo, vừa lãng mạn vừa hiện thực, vừa là tinh thần chiến sĩ vừa là tâm hồn thi sĩ)

 **c- Kết bài :**

 - Đề tài về người lính của Chính Hữu được biểu hiện một cách cảm động, sâu lắng nhờ sự khai thác chất thơ từ những cái bình dị của đời thường. Đây là một sự cách tân so với thơ thời đó viết về người lính.

 - Viết về bộ đội mà không tiếng súng nhưng tình cảm của người lính, sự hi sinh của người lính vẫn cao cả, hào hùng.

 ....................................................................................................

Ngày soạn : 28/4/2019 *Tiết 13*

Ngày giảng:*:..............*

**THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945**

**BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

***-Phạm Tiến Duật-***

**A. TÓM TẮT CÁC KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1.*Tác giả***

- Phạm Tiến Duật ( 1941- 2007) Quê: Phú Thọ.

- Nhà thơ trẻ, trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.

- Chiến đấu ở binh đoàn vận tải Trường Sơn.

- Phong cách thơ: sôi nổi, hồn nhiên, sâu sắc.

- Đoạt giải nhất về cuộc thi thơ của tuần báo *Văn nghệ,* 1970.

***2.Tác phẩm.***

 **a. Nội dung:**

- ***Hình ảnh những chiếc xe không kính***:

+ Không kính, không đèn, không có mui, thùng xe xước-> Liên tiếp một loạt các từ phủ định diễn tả độc đáo chân thực những chiếc xe trên đường ra trận .

+ Những chiếc xe không kính hiện lên thực tới mức trần trụi, khơi gợi sự khốc liệt của chiến tranh trong những năm chống Mỹ cam go khốc liệt.

- ***Hình ảnh người chiến sĩ lái xe:***

+ Họ luôn ở tư thế ung dung, hiên ngang, oai hùng mặc dù trải qua muôn vàn thiếu thốn, gian khổ.

 Nhìn: đất, trời, nhìn thẳng

 Thấy: gió vào xoa mắt đắng; con đường chạy thẳng vào tim; sao trời đột ngột cánh chim.

->Đó là cái nhìn đậm chất lãng mạn, chỉ có ở những con người can đảm, vượt lên trên những thử thách khốc liệt của cuộc sống chiến trường=> Điệp từ, nhịp thơ dồn dập, giọng khoẻ khoắn, tràn đầy niềm vui.

+ Thể hiện tinh thần dũng cảm, lạc quan, sôi nổi, vui tươi; sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ : Bụi phun, mưa tuôn, mưa xối,gió xoa mắt đắng, người lính vẫn cười ngạo nghễ (*cười ha ha*)

- > Đó là những con người có tính cách tươi trẻ, vui nhộn, luôn yêu đời. Tinh thần lạc quan và tình yêu cuộc sống giúp họ vượt qua những gian lao thử thách.

- Cách kết thúc bài thơ rất bất ngờ nhưng cũng rất giàu sức thể hiện: Mặc cho bom rơi, đạn nổ, mặc cho gió, mưa quất thẳng vào buồng lái, mặc cho muôn vàn thiếu thốn, hiểm nguy, những chiếc xe vẫn chạy, “*chỉ cần trong xe có một* *trái tim*”. Đó là trái tim yêu nước, mang lý tưởng khát vọng cao đẹp, quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

 **b. Nghệ thuật**

- Nhiều chất hiện thực, nhiều câu văn xuôi tạo sự phóng khoáng, ngang tàng, nhịp thơ sôi nổi trẻ trung tràn đầy sức sống.

- Thu hút người đọc ở vẻ khác lạ độc đáo. Đó là chất thơ của hiện thực chiến tranh.

**c. Chủ đề:** Người lính và tình yêu đất nước, tinh thần cách mạng.

**B. CÁC DẠNG ĐỀ**

***1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm*.**

**Đề 1**:

*Chép lại khổ thơ cuối trong "****Bài thơ về tiểu đội xe******không kính****" của Phạm Tiến Duật. Nêu nội dung chính của khổ thơ đó?*

Gợi ý:

- HS chép lại 4 câu thơ cuối

- Nội dung:

+ Khổ thơ cuối hiện lên rõ nét sự khốc liệt và dữ dội của chiến tranh : Xe không kính, không đèn, không mui và có thêm một thứ nhưng đó là thêm vết xước, thêm sự hư hại.

+ Không có gì cả nhưng lại có tất cả. Trái tim và sức mạnh của người lính, đó là sức mạnh của con người đã chiến thắng kẻ thù. Trái tim yêu thương, trái tim sôi sục căm giận, trái tim can trường của người chiến sĩ lái xe vì miền Nam thân yêu đang chìm trong máu lửa chiến tranh. Đó là trái tim của lòng quyết tâm chiến đấu và chiến thắng.

***2. Dạng đề 5 đến 7 điểm***

***Đề 1:***

 *Cảm nghĩ của em về hình ảnh người lính trong “****Bài thơ về tiểu đội xe không kính****” của Phạm Tiến Duật.*

**\* Gợi ý**

**a. Mở bài:**

 - Giới thiệu những nét cơ bản về nhà thơ Phạm Tiến Duật và tác phẩm "*Bài thơ về tiểu đội xe không kính."*

- Cảm nghĩ chung về lòng khâm phục và biết ơn thế hệ cha anh đi trước.

**b. Thân bài:**

 - Cảm nhận về chân dung người chiến sĩ lái xe- những con người sôi nổi, trẻ trung, anh dũng, họ kiêu hãnh, tự hào về sứ mệnh của mình. Những con người của cả một thời đại

*“ Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”*

 - Tư thế chủ động, tự tin luôn làm chủ hoàn cảnh của người chiến sỹ lái xe *“ Ung dung* *buồng lái ta ngồi*"

 - Tinh thần lạc quan, sẵn sàng chấp nhận những thử thách trước gian khổ, hiểm nguy:

 *" Không có kính ừ thì có bụi...*

 *... Không có kính ừ thì ướt áo*”

 - Nhiệt tình cách mạng của người lính được tính bằng cung đường cụ thể “ *Lái trăm cây số nữa”*

 - Tình đồng đội thắm thiết, thiêng liêng.

 - Quyết tâm chiến đấu và chiến thắng vì miền Nam, khát vọng tự do hoà bình cháy bỏng của người chiến sĩ lái xe (khổ thơ cuối)

**c. Kết bài.**

 - Đánh giá về vị trí của bài thơ trên thi đàn văn học kháng chiến .

 - Cảm nghĩ khâm phục biết ơn và tự hào về thế hệ đi trước, những con người đã cống hiến cả tuổi thanh xuân của mình cho độc lập và hoà bình của dân tộc.

 **Đề 2:**

 *Em hãy phân tích “****Bài thơ về tiểu đội xe không kính****” của Phạm Tiến Duật.*

**Gợi ý**

 **a. Mở bài:**

 - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm.

 - Khái quát nội dung của tác phẩm.*(* Tác giả ca ngợi tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, bất chấp mọi khó khăn nguy hiểm; niềm vui trẻ trung, sôi nổi cùng quyết tâm chiến đấu vì miền Nam của các chiến sỹ lái xe Trường Sơn.)

 **b. Thân bài:**

***\* Hình ảnh của những chiếc xe không kính:***

 - Đó là những chiếc xe vận tải chở hàng hoá, đạn dược ra mặt trận, bị máy bay Mỹ bắn phá , kính xe vỡ hết.

 - Bom đạn chiến tranh còn làm cho những chiếc xe ấy biến dạng thêm, trần trụi hơn:

 *Không có kính rồi xe không có đèn*

 *Không có mui xe thùng xe có xước.*

***\* Hình ảnh chủ nhân của những chiếc xe không kính- những chiến sĩ lái xe:***

 - Tư thế hiên ngang, tự tin

- Tinh thần dũng cảm, lạc quan vượt qua những khó khăn gian khổ: Gió, bụi, mưa nhưng không làm giảm ý chí và quyết tâm của các chiến sỹ lái xe. Họ vẫn: *phì phèo châm điếu thuốc. "Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha*" ....

 - Tình đồng đội thắm thiết, thiêng liêng là sợi dây vô hình nối kết mọi người trong hoàn cảnh hiểm nguy, cận kề cái chết:

 *Những chiếc xe từ trong bom rơi...*

 *... Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*

Tất cả cùng chung lý tưởng chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước và tin tưởng vào tương lai tươi sáng đang tới rất gần: *Lại đi, lại đi trời xanh thêm*

 - Đoạn kết, chất hiện thực và chất trữ tình hoà quyện vào nhau tạo thành một hình tượng thơ tuyệt đẹp

 ..... *Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

 **c. Kết bài:**

 -*“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* đã khắc hoạ hình ảnh các chiến sỹ lái xe Trường Sơn bằng tình cảm yêu mến và lòng cảm phục chân thành.

 - Ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên và giàu cảm xúc. Tác giả đã phát hiện và ca ngợi phẩm chất anh hùng của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc chiến tranh giữ nước đau thương mà oanh liệt vừa qua.

**Đề 3**:

*Nêu cảm nhận của em về hình ảnh những chiếc xe không kính và những chiến sĩ lái xe trong* ***" Bài thơ về tiểu******đội xe không kính****" của Phạm Tiến Duật.*

Ngày soạn : 29/04/2019 *Tiết 14*

Ngày giảng:*:..............*

**THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945**

**Chủ đề 2:**

**TÌNH CẢM GIA ĐÌNH HÒA QUYỆN VỚI TÌNH YÊU ĐẤT NƯỚC**

**BẾP LỬA**

 ***-Bằng Việt-***

**A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác giả.**

- Bằng Việt tên thật là Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê ở Thạch Thất - Hà Tây.

- Thuộc lớp nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.

- Là một luật sư

- Đề tài: thường viết về những kỷ niệm, ước mơ của tuổi trẻ, gần gũi với người đọc trẻ tuổi, bạn đọc trong nhà trường.

**2. Tác phẩm**

**a. Nội dung**

 *a) Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu*

 Bắt đầu từ hình ảnh bếp lửa -> từ đó cả tuổi thơ ấu bỗng sống lại -> Kỷ niệm về những năm tháng tuổi thơ gắn liền với bếp lửa. Bếp lửa đánh thức tuổi thơ, ở đó lung linh hình ảnh người bà và có cả hình ảnh quê hương.

 *b) Những suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa* : Bà tần tảo chịu thương chịu khó, lặng lẽ hy sinh cả một đời -> Từ ngọn lửa của bà cháu nhận ra cả một niềm tin dai dẳng về ngày mai, cháu hiểu được linh hồn của một dân tộc vất vả gian lao mà tình nghĩa.

 Từ những ý nghĩa, từ bếp lửa bài thơ đến hình ảnh ngọn lửa của lòng yêu thương, của niềm tin, cuả sức sống mãnh liệt.

 *c) Niềm thương nhớ của cháu:* ở nơi xa khi đã trưởng thành người cháu vẫn không nguôi nhớ về bà và hình ảnh bếp lửa. Hình ảnh ấy đã trở thành kỷ niệm thiêng liêng làm ấm lòng, nâng đỡ cháu trên bước đường đời.

 **b.Về nghệ thuật**

- Sáng tạo: hình ảnh thơ vừa thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng.

- Bài thơ kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận. Thành công của bài thơ còn ở sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi mọi kỷ niệm, cảm xúc và suy nghĩ về bà và tình bà cháu.

- Giọng điệu phù hợp với cảm xúc hồi tưởng suy ngẫm.

**c. Chủ đề:** Tình cảm gia đình hoà quyện với tình yêu đất nước.

B. CÁC DẠNG ĐỀ

**1. Dạng đề 2 đến 3 điểm**

 **Đề 1**: Cho câu thơ sau:

*“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa”*

 .....

 a. Hãy chép chính xác 7 câu thơ tiếp theo trong bài thơ "*Bếp lửa*" của Bằng Việt.

 b. Hình ảnh bếp lửa và hình ảnh ngọn lửa được nhắc đến nhiều lần trong bài thơ có ý nghĩa gì?

 **Gợi ý:**

 b.

 - Hình ảnh bếp lửa trong bài thơ có ý nghĩa:

 + Bếp lửa luôn gắn liền với hình ảnh của người bà. Nhớ đến bếp lửa là cháu nhớ đến người bà thân yêu (bà là người nhóm lửa) và cuộc sống gian khổ.

 + Bếp lửa bàn tay bà nhóm lên mỗi sớm mai là nhóm lên niềm yêu thương, niềm vui sưởi ấm, san sẻ.

 + Bếp lửa là tình bà ấm nóng, tình cảm bình dị mà thân thuộc, kì diệu, thiêng liêng.

 - Hình ảnh ngọn lửa trong bài thơ có ý nghĩa:

 + Ngọn lửa là những kỉ niệm ấm lòng, niềm tin thiêng liêng, kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài.

 + Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu.

**2. Dạng đề 5 đến 7 điểm**

**Đề 1**: *Cảm nhận của em về tình bà cháu và bếp lửa trong bài thơ*

***" Bếp lửa****" của Bằng Việt*.

**Gợi ý:**

***a. Mở bài:*** Giới thiệu chung về tác giả và bài thơ với tình bà cháu thiêng liêng, ấm áp.

***b. Thân bài:***

- Hình ảnh *Bếp lửa* khơi nguồn cho cảm xúc

***-*** Hình ảnh bếp lửa cứ cháy trong kỉ niệm của tình bà cháu

 *Lên 4 tuổi,*

 *Tám năm ròng,*

 *…giặc đốt làng*

Đó là thời điểm từ bé đến lớn, ký ức về nỗi cay cực đói nghèo.

- Hình ảnh người bà và bếp lửa trong nỗi nhớ của người cháu, đó là người bà chịu thương chịu khó, giàu đức hy sinh

*“Rồi sớm rồi chiều…*

 *Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn*

*……………chứa niềm tin dai dẳng”*

-> Ngọn lửa của trái tim con người, của tình yêu thương mà người bà truyền cho người cháu, ngọn lửa của niềm tin, của hy vọng.

- Bếp lửa là hình ảnh của cuộc sống thực đầy vất vả nhọc nhằn của hai bà cháu, và là hình ảnh mang ý nghĩa tượng trưng cho tình bà ấm áp.

- Hình ảnh bếp lửa là sự nuôi dưỡng, nhen nhóm tình cảm yêu thương con người, thể hiện nỗi nhớ, lòng biết ơn, khơi gợi lên cho cháu một tâm hồn cao đẹp*.*

**c. Kết bài:**

 Là bài thơ cảm động về tình bà cháu. Tình cảm dạt dào trong lòng đã tìm đến một giọng điệu, một nhịp điệu thật phù hợp.

**C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:**

 **1.** **Dạng đề 2 hoặc 3 diểm:**

 **\* Đề 2:**  ***Giá trị nghệ thuật của điệp từ “nhóm” trong khổ thơ sau:***

*“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

 *Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

 *Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

 *Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”*

**\* Gợi ý:**

*-* Điệp từ “nhóm” được nhắc lại 4 lần làm toả sáng hơn nét “kì lạ” và thiêng liêng bếp lửa. Bếp lửa của tình bà đã nhóm lên trong lòng cháu bao điều thiêng liêng, kì lạ. Từ “nhóm” đứng đầu mỗi dòng thơ mang nhiều ý nghĩa:

+ Khơi dậy tình cảm nồng ấm

+ Khơi dậy tình yêu thương, tình làng nghĩa xóm, quê hương

+ Khơi dậy những kỉ niệm tuổi thơ, bà là cội nguồn của niềm vui, của ngọt bùi nồng đượm, là khởi nguồn của những tâm tình tuổi nhỏ.

=> Đó là bếp lửa của lòng nhân ái, chia sẻ niềm vui chung.

**Đề 3:**

*Hình ảnh bếp lửa và ngọn lửa được nhắc đến nhiều lần trong bài thơ* ***" Bếp lửa****" của Bằng Việt có ý nghĩa gì?*

**2.** **Dạng đề 5 hoặc 7 diểm:**

 **\* Đề 2:**

*Suy nghĩ của em về bài thơ* ***“Bếp lửa”*** *của Bằng Việt****.***

**a. Mở bài**:

- Giới thiệu về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Nêu cảm nhận chung về bài thơ.

**2. Thân bài**

*a. Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu*.

- Hình ảnh đầu tiên được tác giả tái hiện là hình ảnh một bếp lửa ở làng quê Việt Nam thời thơ ấu.

- Từ hình ảnh bếp lửa, liên tưởng tự nhiên đến người nhóm lửa, nhóm bếp - đến nỗi nhớ, tình thương bà của đứa cháu đang ở xa: "*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*”.-> là cách nói ẩn dụ, gợi ra phần nào cuộc đời vất vả lo toan của bà.

- Bếp lửa lại thức thêm một kỉ niệm tuổi thơ: Những kỉ niệm đầy ắp âm thanh, ánh sáng và những tình cảm sâu sắc xung quanh cái bếp lửa quê hương.

b*. Những suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa*.

- Bà tần tảo, chịu thương chịu khó, lặng lẽ hi sinh cả một đời:

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*………………………*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”*

- Hình ảnh bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa. Chính vì thế mà nhà thơ đã cảm nhận được trong hình ảnh bếp lửa bình dị mà thân thuộc sự kì diệu, thiêng liêng: “*Ôi kì lạ và thiêng liêng - Bếp lửa!”*

=> Như vậy, từ ngọn lửa của bà, cháu nhận ra cả một “*niềm tin dai dẳng*” về ngày mai, cháu hiểu được linh hồn của một dân tộc vất vả, gian lao mà tình nghĩa. Bà không chỉ là người nhóm lửa mà còn là người truyền lửa - ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

*c. Niềm thương nhớ của cháu:*

- Đứa cháu năm xưa giờ đã trưởng thành. Cháu đã được sống với những niềm vui rộng mở, nhưng cháu vẫn không thể quên bếp lửa của bà, vẫn không nguôi nhớ thương bà….

 -Mỗi ngày đều tự hỏi: “*sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?*", mỗi ngày đều nhớ về bà và bếp lửa của bà. Hình ảnh ấy đã trở thành kỉ niệm thiêng liêng làm ấm lòng, nâng đỡ cháu trên những bước đường đời.

**c. Kết bài**

- Bài thơ chứa đựng ý nghĩa triết lí thầm kín: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức toả sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

- Bài thơ sáng tạo hình tượng bếp lửa vừa thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng; kết hợp miêu tả, biểu cảm, tự sự và bình luận; giọng điệu và thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc hồi tưởng, suy ngẫm.

**Đề 3:**

*Cảm nghĩ của em về hình ảnh bếp lửa trong bài thơ cùng tên của Bằng Việt.*

 .............................................................................................................

Ngày soạn : 30/4/2019 *Tiết 15*

Ngày giảng:*:..............*

**THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945**

**NÓI VỚI CON**

 ***(Y Phương)***

**A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

**1. Tác giả:**

-Y Phương tên khai sinh là Hứa Vĩnh Sước, dân tộc Tày, sinh năm 1948, quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Y Phương nhập ngũ 1968.

 - Thơ Y Phương thể hiện tâm hồn chân chất, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy hình ảnh của con người miền núi.

**2.Tác phẩm:**

 ***a. Nội dung:***

-Bài thơ “*Nói với con”* rất tiêu biểu cho hồn thơ Y Phương: - Dân tộc Tày yêu quê hương, làng bản, tự hào và gắn bó với dân tộc mình.

- Mượn lời nói với con, nhà thơ gợi về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người, gợi về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của quê hương mình.

 + Con lớn lên trong tình yêu thương, sự nâng đỡ của cha mẹ, trong cuộc sống lao động nên thơ của quê hương.

 + Lòng tự hào với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, với truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm mong ước con hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy.

=> Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi mà nâng lên thành lẽ sống. Bài thơ đã vượt ra khỏi phạm vi gia đình để mang một ý nghĩa khái quát: Nói với con nhưng cũng là để nói với mọi người về một tư thế, một cách sống.

**b. Nghệ thuật:**

 - Giọng điệu tha thiết.

 - Hình ảnh cụ thể, sinh động có sức khái quát, mộc mạc, giàu chất thơ.

 - Bố cục mạch lạc, mạch cảm xúc hợp lý, tự nhiên.

**B. CÁC DẠNG ĐỀ:**

***1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:***

***\*Đề 1 :***

*Viết một đoạn văn ( 10-> 15 dòng) nêu cảm nhận về những câu thơ mở đầu bài* ***“Nói với con****”của Y Phương****:***

 "*Chân phải bước tới cha*

 *Chân trái bước tới mẹ.*

 *Một bước chạm tiếng nói*

 *Hai bước chạm tiếng cười".*

**Gợi ý:**

 - Bằng các hình ảnh thật cụ thể, Y Phương đã tạo nên hình ảnh một mái ấm gia đình rất hạnh phúc, đầm ấm và quấn quýt.

+ Người con được nuôi dưỡng chở che trong vòng tay ấm áp của cha mẹ.

+ Con được lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đón và mong chờ của cha mẹ.

+ Từng bước đi, từng tiếng nói, tiếng cười của con đều được cha mẹ chăm chút, vui mừng, đón nhận.

- Lời thơ rất đặc biệt: nói bằng hình ảnh, cách hình dung cụ thể để diễn tả ý trừu tượng của người miền núi khiến câu thơ mộc mạc mà gợi cảm khiến cho tình cha con thêm chân thành, thấm thía.

***2. Dạng đề 5 hoặc7 điểm:***

\* Đề 1 :

*Phân tích tình cảm cha con trong bài thơ* ***“Nói với con”****của Y Phương*

**\* Gợi ý:**

**a. Mở bài**:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nhận xét sơ bộ về tác phẩm.

 **b. Thân bài:** Phân tích làm nổi bật những ý cơ bản sau: - Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người là gia đình và quê hương .

 ***+*** Cái nôi êm để từ đó con lớn lên, trưởng thành với những nét đẹp trong tình cảm, tâm hồn. Phải chăng đó là điều đầu tiên người cha muốn nói với đứa con của mình.

+ Tình cảm gia đình thắm thiết, hạnh phúc, quê hương thơ mộng nghĩa tình và cuộc sống lao động trên quê hương cũng giúp con trưởng thành, giúp tâm hồn con được bồi đắp thêm lên.

=>Bằng cách nhân hoá “*rừng”* và “*con đường*” qua điệp từ *“cho*”, người đọc có thể nhận ra lối sống tình nghĩa của “*người đồng mình*” Quê hương ấy chính là cái nôi để đưa con vào cuộc sống êm đềm.

 - Lòng tự hào về vẻ đẹp của “*người đồng mình*” và mong ước của người cha.

 + Người đồng mình không chỉ “*yêu lắm*” với những hình ảnh đẹp đẽ, giản dị gợi nhắc cội nguồn sinh dưỡng tâm hồn, tình cảm, lối sống cho con người mà còn với những đức tính cao đẹp, đáng tự hào. Trong cái ngọt ngào kỉ niệm gia đình và quê hương, người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất cao đẹp của con người quê hương.

 + Gửi trong những lời tự hào không giấu giếm đó, người cha ước mong, hy vọng người con phải tiếp nối, phát huy truyền thống để tiếp tục sống có tình có nghĩa, thuỷ chung với quê hương đồng thời muốn con biết yêu quý, tự hào với truyền thống của quê hương.

**C. Kết luận**:

 Suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của bài thơ.

**C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:**

***1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:***

***\*Đề 1 :***

***Cha muốn nói với con điều gì trong những dòng thơ sau:***

 *"Đan lờ cài nan hoa.*

 *Vách nhà ken câu hát*

 *Rừng cho hoa*

 *Con đường cho những tấm lòng*

 *Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

 *Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời".*

 ***( “Nói với con”-*** *Y Phương)*

**Gợi ý:**

- Con được trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương.

+ Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của “*người đồng* *mình”* được nhà thơ gợi lên qua các hình ảnh đẹp: *“Đan lờ* *cài nan hoa. Vách nhà ken câu hát*”. Các động từ “*cài, ken”* được dùng rất gợi cảm vừa miêu tả cụ thể công việc lao động của người miền núi, vừa nói lên sự gắn bó, quấn quýt.

+ Rừng núi quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. “*Rừng* *cho hoa*” là cho cái đẹp, một chữ “*hoa”* đủ nói lên vẻ thơ mộng của rừng núi quê hương. “*Con đường cho những tấm* *lòng”* là cho nghĩa tình, tâm hồn và lối sống. Rừng núi đâu chỉ là thiên nhiên, cây, đá mà còn là tình người, là những tấm lòng yêu thương gắn bó bên nhau.

**Đề 2.**

*Viết đoạn văn (Từ 15-20 dòng) cảm nhận về tình Phụ - Tử trong bài thơ* ***" Nói với con****" của Y Phương.*

***2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:***

***\*Đề 1 :***

*Cảm nhận về bài thơ "* ***Nói với con****"của Y Phương.*

 ***\*Gợi ý:***

 ***a. Mở bài:***

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Nêu cảm nhận chung về tác phẩm.

***b. Thân bài:***

 - Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người là gia đình và quê hương

 ***-*** > cái nôi êm để từ đó con lớn lên, trưởng thành với những nét đẹp trong tình cảm, tâm hồn.Phải chăng đó là điều đầu tiên người cha muốn nói với đứa con của mình.

-> Tình cảm gia đình thắm thiết, hạnh phúc, quê hương thơ mộng nghĩa tình và cuộc sống lao động trên quê hương cũng giúp con trưởng thành, giúp tâm hồn con được bồi đắp thêm lên.

 - Lòng tự hào về vẻ đẹp của “người đồng mình” và mong ước của người cha:

 + Đức tính cao đẹp của người đồng mình:

 + Mong ước của người cha qua lời tâm tình.

 -> Hai ý này liên kết chặt chẽ với nhau, từ việc ca ngợi những đức tính cao đẹp của người đồng mình người cha dặn dò con cần kế tục, phát huy một cách xứng đáng truyền thống của quê hương.

 ***c. Kết bài:***

 ***-*** Khẳng định tình cảm của Y Phương với con, với quê hương, đất nước.

 - Suy nghĩ, liên hệ .

Ngày soạn :… /../2019 *Tiết 16*

Ngày giảng:*:..............*

**THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945**

**CHỦ ĐỀ 3: CẢM HỨNG VỀ LAO ĐỘNG**

**ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

 **-*Huy Cận-***

**A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN**

***1. Tác giả***

- Tên thật : Cù Huy Cận( 1919- 2005)

- Quê : Nghệ Tĩnh.

- Là nhà thơ lớn của phong trào thơ mới.

- Tham gia cách mạng từ trước 1945 và sau Cách mạng tháng Tám từng giữ nhiều trọng trách trong chính quyền cách mạng.

- Thơ Huy Cận sau cách mạng tràn đầy niềm vui, niềm tin yêu cuộc sống mới. Thiên nhiên vũ trụ là nguồn cảm hứng dồi dào trong thơ Huy Cận và nó mang những nét đẹp riêng.

**2. Tác phẩm**

**a. Nội dung**

***1. Cảnh ra khơi***

- Khung cảnh hoàng hôn trên biển vừa diễm lệ vừa hùng vĩ đầy sức sống.

- Có sự đối lập giữa vũ trụ và con người:

Vũ trụ nghỉ ngơi >< con người lao động.

- Khí thế của những con người ra khơi đánh cá mạnh mẽ tươi vui, lạc quan, yêu lao động.

- Diễn tả niềm vui yêu đời, yêu lao động, yêu cuộc sống tự do, tiếng hát của những con người làm chủ quê hương giàu đẹp.

***2. Cảnh đánh cá***

- Khung cảnh biển đêm: Thoáng đãng lấp lánh, ánh sáng đẹp, vẻ đẹp lãng mạn kỳ ảo của biển khơi.

- Biển đẹp màu sắc lấp lánh: Hồng trắng, vàng chóe, vảy bạc, đuôi vàng loé rạng đông.

- Cảnh lao động với khí thế sôi nổi, hào hứng, khẩn trương, hăng say.

- Tinh thần sảng khoái ung dung, lạc quan, yêu biển, yêu lao động.

- Âm hưởng của tiếng hát là âm hưởng chủ đạo, niềm yêu say mê cuộc sống, yêu biển, yêu quê hương, yêu lao động.

- Nhịp điệu khoẻ, đa dạng, cách gieo vần biến hoá, sự tưởng tượng phong phú, bút pháp lãng mạn.

***3. Cảnh trở về (khổ cuối)***

*-* Cảnh kỳ vĩ, hào hùng, khắc hoạ đậm nét vẻ đẹp khoẻ mạnh và thành quả lao động của người dân miền biển.

- Ra đi hoàng hôn, vũ trụ vào trạng thái nghỉ ngơi.

- Sau một đêm lao động miệt mài, họ trở về trong cảnh bình minh, mặt trời bừng sáng nhô màu mới, hình ảnh mặt trời cuối bài thơ là hình ảnh mặt trời rực rỡ với muôn triệu mặt trời nhỏ lấp lánh trên thuyền: Một cảnh tượng huy hoàng của thiên nhiên và lao động.

 ***b. Về nghệ thuật***

Bài thơ được viết trong không khí phơi phới, phấn khởi của những con người lao động với bút pháp lãng mạn, khí thế tưng bừng của cuộc sống mới tạo cho bài thơ một vẻ đẹp hoành tráng mơ mộng.

**c. Chủ đề*:*** Cảm hứng về lao động mới.

**B. CÁC DẠNG ĐỀ**

**1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm**

 **Đề 1.**

 *a. Nêu tên tác giả, hoàn cảnh sáng tác bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”.*

 *b. Cảm hứng về lao động của tác giả đã tạo nên những hình ảnh đẹp tráng lệ, giàu màu sắc lãng mạn về con người lao động trên biển khơi bao la. Hãy chép lại các câu thơ đầy sáng tạo ấy.*

 **Gợi ý:**

 a. HS nêu được:

 - Tác giả của bài thơ: Huy Cận

 - Hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Bài thơ được viết vào tháng 11 năm 1958, khi đất nước đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được giải phóng và đi vào xây dựng cuộc sống mới. Huy Cận có một chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh. Bài thơ được ra đời từ chuyến đi thực tế đó.

 b. Học sinh phải chép đúng và đủ các câu thơ viết về con người lao động trên biển khơi bao la bằng bút pháp lãng mạn:

 *- Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*

 *- Thuyền ta lái gió với buồm trăng.*

 *Lướt giữa mây cao với biển bằng*

 *- Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.*

**2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm**

**Đề 1**: *Vẻ đẹp và sức mạnh của người lao động trước thiên nhiên - vũ trụ trong bài thơ* ***“Đoàn thuyền đánh cá****” của Huy Cận.*

 **Gợi ý:**

**a. Mở bài**:

- Nêu những nét chính về tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Bài thơ đã khắc họa được vẻ đẹp và sức mạnh của người lao động trước thiên nhiên- vũ trụ kỳ vĩ.

 **b. Thân bài**

  *\* Bức tranh thiên nhiên trong bài thơ: đẹp, rộng lớn, lộng lẫy.*

 - Cảm hứng vũ trụ đã mang đến cho bài thơ những hình ảnh thiên nhiên hoành tráng.

 - Cảnh hoàng hôn trên biển và cảnh bình minh được đặt ở vị trí mở đầu, kết thúc bài thơ vẽ ra không gian rộng lớn mà thời gian là nhịp tuần hoàn của vũ trụ.

 - Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi: không phải là con thuyền mà là đoàn thuyền tấp nập.

 -> Con thuyền không nhỏ bé mà kì vĩ, hoà nhập với thiên nhiên, vũ trụ.

 - Vẻ đẹp rực rỡ của các loại cá, sự giàu có của biển cả. Trí tưởng tượng của nhà thơ đã chắp cánh cho hiện thực, làm giàu thêm, đẹp thêm vẻ đẹp của biển khơi.

 *\* Người lao động giữa thiên nhiên cao đẹp.*

 - Con người không nhỏ bé trước thiên nhiên mà ngược lại, đầy sức mạnh và hoà hợp với thiên nhiên.

 - Con người ra khơi với niềm vui trong câu hát.

 - Con người ra khơi với ước mơ trong công việc.

 - Con người cảm nhận được vẻ đẹp của biển, biết ơn biển

 - Người lao động vất vả nhưng tìm thấy niềm vui, phấn khởi trước thắng lợi.

**c. Kết bài**:

- Hình ảnh người lao động được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn cho thấy niềm vui phơi phới của họ trong cuộc sống mới.

- Thiên nhiên và con người phóng khoáng, lớn lao. Tình yêu cuộc sống mới của nhà thơ được gửi gắm trong những hình ảnh thơ lãng mạn đó.

**D. BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**1.Dạng 2 hoặc 3 điểm**

 **Đề 2:** *Hai câu thơ:“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

 *Sóng đã cài then đêm sập cửa”*

 *được tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Cho biết tác dụng của những biện pháp nghệ thuật ấy.*

**Gợi ý:**

 Hai câu thơ sử dụng các biện pháp nghệ thuật so sánh và nhân hoá.

 - *“Mặt trời xuống biển như hòn lửa”*

 + *“Mặt trời”* được so sánh như *“hòn lửa”->* hoàng hôn trong thơ Huy Cận không buồn hiu hắt mà ngược lại, rực rỡ, ấm áp.

 - *“Sóng đã cài then, đêm sập cửa”*

 + Biện pháp nhân hoá, gán cho sự vật những hành động của con người sóng *“cài then”,* đêm *“sập cửa”->* Gợi cảm giác vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với màn đên buông xuống là tấm cửa khổng lồ và những gợn sóng là then cài cửa. Con người đi trong biển đêm mà như đi trong ngôi nhà thân thuộc của mình.

**Đề 3:**

 *a. Chép chính xác 4 câu cuối bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận.*

 *b. Viết đoạn văn khoảng 10 câu, diễn tả cảm nhận của em về vẻ đẹp của những câu thơ vừa chép ở trên.*

**2. Dạng 5 hoặc 7 điểm.**

**Đề 2:**

*Suy nghĩ của em về bài thơ* ***"Đoàn thuyền đánh cá*** *" của Huy Cận.*

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả và hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

- Cảm nhận chung về nội dung và nghệ thuật chính của bài thơ.

**b. Thân bài:**

*\* Cảnh ra khơi:*

- Khung cảnh hoàng hôn trên biển vừa diễm lệ vừa hùng vĩ đầy sức sống.

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

 *Sóng đã cài then đêm sập cửa”*

- Cảnh người lao động ra khơi : Mang vẻ đẹp lãng mạn, thể hiện tinh thần hào hứng và khẩn trương trong lao động.

"*Câu hát căng buồm cùng gió khơi"*

*\* Cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển:*

 - Cảm nhận về biển : Giàu có và lãng mạn (đoạn thơ tả các loài cá, cảnh thuyền đi trên biển với cảm xúc bay bổng của con người

*Lướt giữa mây cao với biển bằng*

- Công việc lao động vất vả nhưng lãng mạn và thi vị bởi tình cảm yêu đời yêu biển của ngư dân. Họ coi đó như một cuộc đua tài

*"Dàn đan thế trận lưới vây giăng"*

*\* Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về:*

- Hình ảnh thơ lặp lại tạo nên một lối vòng khép kín với dư âm của lời hát lạc quan của sự chiến thắng.

- Hình ảnh nhân hóa, nói quá: "*Đoàn thuyền chạy đua* *cùng mặt trời* ". Gợi vẻ đẹp hùng tráng về nhịp điệu lao động khẩn trương và không khí chiến thắng sau đêm lao động miệt mài của các chàng trai ngư dân.

- Cảnh bình minh trên biển được miêu tả thật rực rỡ, con người là trung tâm bức tranh với tư thế ngang tầm vũ trụ và hình ảnh no ấm của sản phẩm đánh bắt được từ lòng biển

*" Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi"*

**c. Kết bài:**

Khẳng định đây là bài ca lao động yêu đời phơi phới của người ngư dân sau những ngày giàng được tự do với ý thức quyết tâm xây dựng quê hương đất nước giàu đẹp.

**Đề 3**

 *Cảm nhận của em về hình ảnh những con người lao động mới trong bài thơ* ***"Đoàn thuyền đánh cá*** *" của Huy Cận.*

 ......................................................................................................

Ngày soạn :… /../2019 *Tiết 17*

Ngày giảng:*:..............*

**THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945**

**CHỦ ĐỀ 4:**

**LÒNG THÀNH KÍNH VÀ TÌNH YÊU LÃNH TỤ**

**VIẾNG LĂNG BÁC**

 ***- Viễn Phương-***

**A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

 **1. Tác giả:**

- Viễn Phư­ơng tên thật là Phan Thanh Viễn (1928) quê ở tỉnh An Giang. Tham gia hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ.

- Ông là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực

l­ượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời chống Mỹ cứu n­ước.

- Thơ Viễn Phương thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm và chất mơ mộng ngay trong hoàn cảnh chiến đấu ác liệt ở chiến trường

- Tác phẩm chính: “Mắt sáng học trò” (1970); “Nhớ lời di chúc” (1972); “Như­ mấy mùa xuân” (1978)

**2. Tácphẩm:**

**a. Hoàn cảnh sáng tác**

Bài “Viếng lăng Bác” đư­ợc viết năm 1976, lúc công trình lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh đ­ược hoàn thành. Tác giả cùng đồng bào, chiến sĩ từ miền Nam ra viếng Bác.

**b. Nội dung và nghệ thuật**

**\*.Nội dung** : Cảm xúc bao trùm trong toàn bài thơ là niềm xúc động thiêng liêng thành kính, lòng biết ơn và tự hào pha lẫn nỗi xót đau khi tác giả từ miền Nam ra viếng lăng Bác.

**\*Nghệ thuật** :

- Thể thơ và nhịp điệu

 -> Các yếu tố ấy tạo nên giọng điệu thiết tha trầm lắng và trang trọng thành kính, phù hợp với không khí và cảm xúc của bài thơ.

- Từ ngữ và hình ảnh : Các từ xưng hô, các hình ảnh ẩn dụ có giá trị súc tích và gợi cảm thể hiện được lòng thành kính

 -> Lời thơ dung dị mà cô đúc, giàu cảm xúc mà lắng đọng.

**B.CÁC DẠNG ĐỀ:**

 ***1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm***

**Đề 1:** *Trong bài thơ “Viếng lăng Bác” Viễn Phương viết : “Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”.*

*Dựa trên hiện tượng chuyển nghĩa của từ, từ "****mùa xuân****" có thể thay thế cho từ nào ? Theo phưong thức chuyển nghĩa nào ? Việc thay thế từ trên có tác dụng diễn đạt như thế nào ?*

**Gợi ý** :

- Mỗi một năm xuân đến, con người lại thêm một tuổi. Cho nên " 79 mùa xuân " cũng được hiểu là 79 tuổi, 79 năm trong một đời người.

- Nếu để từ " tuổi " thì chỉ nói được Bác Hồ đã sống 79 năm, thọ 79 tuổi, câu thơ chỉ thuần tuý chỉ tuổi tác.

- Còn dùng từ " Xuân " có nghĩa là : cả cuộc đời Bác là 79 năm cống hiến cho nhân dân, 79 năm dành cho đất nước để đất nước có sắc xuân. Thêm nữa, kết "tràng hoa dâng  79 mùa xuân " gợi thêm sắc xuân bên lăng Bác. Và từ " mùa xuân " như làm cho xúc cảm của câu thơ, âm điệu câu thơ thêm mượt mà, sâu lắng, thiết tha. Câu thơ hay, ý thơ trở nên đa nghĩa và sâu sắc hơn nhiều-> chuyển nghĩa theo phưong thức ẩn dụ.

***2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm***

**Đề 1: C***ảm nhận của em về bài thơ " Viếng lăng Bác" của Viễn Phương.*

**a. Mở bài**:

- Giới thiệu tác giả và hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

- Bài thơ diễn tả niềm kính yêu, sự xót thương và lòng biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với lãnh tụ bằng một ngôn ngữ tinh tế, giàu cảm xúc sâu lắng.

**b. Thân bài:**

- *Cảm xúc của nhà thơ trước lăng Bác*: Hình ảnh hàng tre mộc mạc , quen thuộc, giàu ý nghĩa tượng trưng: Sức sống quật cường, truyền thống bất khuất của dân tộc Việt Nam; phẩm chất cao quý của Bác Hồ, hình ảnh hàng tre xanh khơi nguồn cảm xúc cho nhà thơ.

- *Cảm xúc chân thành, mãnh liệt của nhà thơ khi viếng lăng Bác*:

 + Ca ngợi sự vĩ đại của Bác, công lao của Bác đối với non sông đất nước qua hình ảnh ẩn dụ "*mặt trời trong lăng”*

 + Dòng người vào lăng viếng Bác kết thành những tràng hoa kính dâng Bác

 + Xúc động khi được ngắm Bác trong giấc ngủ bình yên vĩnh hằng. Thời gian ấy sẽ trở thành kỉ niệm quý giá không bao giờ quên.

 + Nói thay cho tình cảm của đồng bào miền Nam đối với Bác, lưu luyến, ước nguyện mãi ở bên Người.

**c. Kết bài**

- Viếng lăng Bác là một bài thơ hay giàu chất suy tưởng.

- Là tiếng lòng của tất cả chúng ta đối với Bác Hồ kính yêu.

**C. BÀI TẬP VỀ NHÀ**

***1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm***

 **Đề 2.** Câu thơ:

*“ Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

 *Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”*

 ***( Viếng lăng Bác-*** Viễn Phương***)***

a- Hãy phân tích ý nghĩa hình ảnh ẩn dụ "*mặt trời trong* *lăng*” ở câu thơ trên

b-Tìm những câu thơ có hình ảnh ẩn dụ mặt trời trong một bài thơ mà em đã học ( ghi rõ tên và tác giả bài thơ)

**Gợi ý:**

+ Phân tích để thấy:

- Hai câu thơ sóng đôi hình ảnh thực và ẩn dụ *“ Mặt trời”* điều đó khiến ẩn dụ “*mặt trời trong lăng*” nổi bật ý nghĩa sâu sắc.

- Dùng hình ảnh ẩn dụ "*mặt trời trong lăng*” để viết về Bác, Viễn Phương đã ca ngợi sự vĩ đại của Bác, công lao của Bác đối với non sông đất nước.

- Đồng thời, hình ảnh ẩn dụ "*mặt trời trong lăng*” cũng thể hiện sự tôn kính, lòng biết ơn của nhân dân với Bác, niềm tin Bác sống mãi với non sông đất nước ta.

b- Hai câu thơ có hình ảnh ẩn dụ mặt trời

 “ Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

 Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng

(*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*- Nguyễn Khoa Điềm)
**Đề 3:**

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

 *Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*

 *Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam*

 *Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng*

 ( *Trích Viếng lăng Bác*- Viễn Phương)

 Phân tích hình ảnh hàng tre bên lăng Bác được miêu tả trong khổ thơ trên ? Hình ảnh ấy gợi ra những ý nghĩa gì ?

***2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm***

**Đề 2.**

 *Tình cảm chân thành và tha thiết của nhân dân ta với Bác Hồ được thể hiện qua bài thơ* ***“ Viếng Lăng Bác****” của Viễn Phương.*

**a .Mở bài :**

- Khái quát chung về tác giả và bài thơ.

- Tình cảm của nhân dân đối với Bác thể hiện rõ nét trong bài thơ “*Viếng lăng Bác*” của Viễn Phương

**b.Thân bài:**

*Khổ 1 : Cảm xúc của tác giả khi đến thăm lăng Bác*

- Câu thơ thật giản dị thân quen với cách dùng đại từ xưng hô “*con*” rất gần gũi, thân thiết, ấm áp tình thân thương.

- Tác giả sử dụng từ “*thăm*” thay cho từ “*viếng*” mong sao giảm nhẹ được nỗi đau thương, mất mát.

- Hình ảnh hàng tre qua cảm nhận của nhà thơ đã trở thành biểu tượng của tình cảm nhân dân gắn bó với Bác, thành biểu tượng sức sống bền bỉ, mạnh mẽ của dân tộc.

 *Khổ 2: Sự tôn kính của tác giả, của nhân dân đối với Bác khi đứng trước lăng Người.*

- Hình ảnh ẩn dụ *"mặt trời trong lăng*" thể hiện sự tôn kính biết ơn của nhân dân đối với Bác. Cảm nhận về sức sống tư tưởng Hồ Chí Minh, về suy nghĩ Bác còn sống mãi chứa đựng trong mỗi hình ảnh của khổ thơ.

-Hình ảnh dòng người thành một tràng hoa trước lăng. =>Hình ảnh “tràng hoa” một lần nữa tô đậm thêm sự tôn kính, biết ơn tự hào của tác giả cũng như của dân tộc VN đối với Bác.

 *Khổ 3-4 : Niềm xúc động nghẹn ngào khi tác giả nhìn thấy Bác*

- Những cảm xúc thiêng liêng của nhà thơ về Bác

- Những cảm xúc chân thành, tha thiết ấy nâng lên thành ước muốn sống đẹp.

- Những cảm xúc của nhà thơ về Bác cũng là cảm xúc của mỗi người dân miền Nam với Bác

**c. Kết bài :**- Khẳng định lại tình cảm chân thành tha thiết của nhân dân đối với Bác.

- Suy nghĩ của bản thân.

............................................................................................

Ngày soạn :… /../2019 *Tiết 18*

Ngày giảng:*:..............*

**THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945**

**CHUYÊN ĐỀ**

**CẢM NHẬN TINH TẾ VỀ THIÊN NHIÊN VÀ NHỮNG SUY NGẪM VỀ CUỘC ĐỜI**

**ÁNH TRĂNG**

***-Nguyễn Duy-***

**A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN**

***1. Tác giả :***

 - Nhà thơ Nguyễn Duy tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ, sinh năm 1948 tại phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá.

- Là nhà thơ - chiến sĩ, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

- Phong cách thơ độc đáo - nhất là ở thể thơ lục bát (uyển chuyển mượt mà, hiện đại ở thi liệu, cấu tứ).

- 1966: Nhập ngũ; 1975: Làm báo văn nghệ.

- Hiện sống tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Giải nhất cuộc thi thơ báo Văn nghệ 1972-1973; Giải A Hội Nhà văn Việt Nam (1984).

***2. Tác phẩm:***

**a. N**ội dung :

- Hình ảnh vầng trănglà hình ảnh của thiên nhiên là người bạn tri kỷ.

- Vầng trăng có ý nghĩa biểu tượng cho quá khứ tình nghĩa, vẻ đẹp bình dị và vĩnh hằng của đời sống.

- Vầng trăng mang chiều sâu tư tưởng , là lời nhắc nhở thái độ sống " *uống nước nhớ nguồn*", ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

**b. Nghệ thuật:**

- Cảm xúc của tác giả trong bài thơ được thể hiện qua một câu chuyện riêng, bằng sự kết hợp hài hoà giữa tự sự và trữ tình.

- Giọng điệu tâm tình, nhịp thơ khi thì trôi chảy tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi thì thầm lặng suy tư.

- Ngôn ngữ thơ giàu sức gợi cảm.

**c. Chñ ®Ò:** Suy ngÉm vÒ cuéc ®êi

**B. CÁC DẠNG ĐỀ:**

 **1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:**

 **\* Đề 1:**

 ***"Ánh trăng"*** *là một nhan đề đa nghĩa. Hãy viết một đoạn văn ( từ 15-20 dòng) để làm sáng tỏ ý kiến trên.*

- Ánh trăng của Nguyễn Duy là hình ảnh đẹp của thiên nhiên với tất cả những gì là thi vị, gần gũi, hồn nhiên, tươi mát. Đó là vầng trăng của “hồi nhỏ sống với đồng”, Ánh trăng gắn với tuổi ấu thơ của tác giả. Vầng trăng ấy hồn nhiên như cuộc sống, như đất trời.

- Nhan đề “Ánh trăng” còn thực sự sâu sắc, ý nghĩa bởi vầng trăng ấy còn là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình - kí ức gắn với cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước cam go mà hào hùng.

- Vầng trăng mang chiều sâu tư tưởng , là lời nhắc nhở thái độ sống " uống nước nhớ nguồn", ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

 **2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:**

 **\* Đề 1:** *Niềm tâm sự thầm kín của Nguyễn Duy qua bài thơ "* ***Ánh trăng".***

**Gợi ý**

**a. Mở bài**

- Ánh trăng là đề tài quen thuộc của thi ca, là cảm hứng sáng tác vô tận cho các nhà thơ.

 - Với Nguyễn Duy, ánh trăng không chỉ là niềm thơ mà còn được biểu đạt một hàm nghĩa mới, mang dấu ấn của tình cảm thời đại: Ánh trăng là biểu tượng cho quá khứ trong mỗi đời người.

**b.Thân bài.**

*\*Cảm nghĩ về vầng trăng quá khứ.*

 - Ánh trăng gắn với những kỉ niệm trong sáng thời thơ ấu tại làng quê.

- Ánh trăng gắn bó với những kỉ niệm không thể nào quên của cuộc chiến tranh ác liệt của người lính trong rừng sâu.

*\* Cảm nghĩ về vầng trăng hiện tại*: Vầng trăng tri kỉ ngày nào nay đã trở thành “người dưng” - người khách qua đường xa lạ

+ Sự thay đổi của hoàn cảnh sống- không gian khác biệt, thời gian cách biệt, điều kiện sống cách biệt

+ Hành động “vội bật tung cửa sổ” và cảm giác đột ngột “nhận ra vầng trăng tròn”, cho thấy quan hệ giữa người và trăng không còn là tri kỉ, tình nghĩa như xưa vì con người lúc này thấy trăng như một vật chiếu sáng thay thế cho điện sáng mà thôi.

+ Câu thơ rưng rưng - lạnh lùng - nhức nhối, xót xa miêu tả một điều gì bội bạc, nhẫn tâm vẫn thường xảy ra trong cuộc sống.

*\* Niềm suy tư của tác giả và tấm lòng của vầng trăng*.

- Trăng và con người đã gặp nhau trong một giây phút tình cờ.

+ Vầng trăng xuất hiện vẫn một tình cảm tràn đầy, không mảy may sứt mẻ.

+ “Trăng tròn”-> tình cảm trọn vẹn, chung thuỷ như năm xưa.

+ Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” là tư thế đối mặt: “mặt” ở đây chính là vầng trăng tròn (nhân hoá). Con người thấy mặt trăng là thấy được người bạn tri kỉ ngày nào.

- Ánh trăng đã thức dậy những kỉ niệm quá khứ tốt đẹp, đánh thức lại tình cảm bạn bè năm xưa, đánh thức lại những gì con người đã lãng quên.

+ Cảm xúc “rưng rưng” là biểu thị của một tâm hồn đang rung động, xao xuyến, gợi nhớ gợi thương khi gặp lại bạn tri kỉ.

+ Nhịp thơ hối hả dâng trào như tình người dào dạt. Niềm hạnh phúc của nhà thơ như đang được sống lại một giấc chiêm bao.

- Ánh trăng hiện lên đáng giá biết bao, cao thượng vị tha biết chừng nào.

=> Câu thơ thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hoà bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công sức đấu tranh cách mạng của biết bao người đi trước.

**c.Kết bài:**

- Bài thơ “Ánh trăng” là một lần “giật mình” của Nguyễn Duy về sự vô tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đã qua.

**-** Nó gợi ra trong lòng chúng ta nhiều suy ngẫm sâu sắc về cách sống, cách làm người, cách sống ân nghĩa thuỷ chung ở đời.

**C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:**

 **1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:**

 **\* Đề 2:***Nhận xét đoạn cuối bài thơ* ***“Ánh trăng”****của Nguyễn Duy..*

***Gợi ý:***

Khổ thơ cuối cùng là nơi tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng:

- Hình ảnh trăng được Nguyễn Duy miêu tả tròn đầy, vành vạnh, toả sáng khắp nơi. Đó là vẻ đẹp tự nó và mãi mãi vĩnh hằng. Đó còn là hình ảnh tượng trưng cho vẻ đẹp và những giá trị truyền thống.

- Phép nhân hoá khiến hình ảnh vầng trăng hiện ra như một con người cụ thể, một người bạn, một nhân chứng, rất nghĩa tình nhưng cũng vô cùng nghiêm khắc đang nhắc nhở con người, một lời nhắc nhở thấm thía, độ lượng nhưng đủ làm để làm con người “giật mình” nhận ra sự vô tình lãng quên quá khứ tốt đẹp, tức là con người đang phản bội lại chính mình. Nó còn có ý nhắc nhở con người nên trân trọng, giữ gìn vẻ đẹp và những giá trị truyền thống.

 **2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:**

 **\* Đề 2:** *Cảm nhận của em về bài thơ "Ánh trăng" của* *Nguyễn Duy*.

 **a. Mở bài**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Nguyễn Duy viết “Ánh trăng” như một lời tâm sự, một lời nhắn nhủ chân tình với chính mình, với mọi người về lẽ sống chung thuỷ, nghĩa tình.

***b*. Thân bài*:***

 *\* Cảm nghĩ về vầng trăng quá khứ:*

 - Trước hết là hình ảnh vầng trăng tình nghĩa, hiền hậu, bình dị gắn liền với kỉ niệm trong sáng thời thơ ấu tại làng quê.

- Trăng thành người bạn tri kỉ, gắn với những kỉ niệm không thể nào quên của người lính trong những năm tháng gian lao nơi chiến trường,

-> Lời thơ kể không tả mà có sức gợi nhớ, âm điệu của lời thơ như trùng xuống trong mạch cảm xúc bồi hồi.

 *\* Cảm nghĩ về vầng trăng hiện tại*.

- Sự thay đổi của hoàn cảnh sống- không gian khác biệt, thời gian cách biệt, điều kiện sống cách biệt, cuộc sống công nghiệp hoá, hiện đại hoá của điện gương đã làm át đi sức sống của ánh trăng trong tâm hồn con người...

- Vầng trăng tri kỉ ngày nào nay đã trở thành “người dưng” - người khách qua đường xa lạ, => Một sự thay đổi phũ phàng khiến người ta không khỏi nhói đau. Tình cảm xưa kia nay chia lìa.

*\* Niềm suy tư của tác giả và tấm lòng của vầng trăng*.

- Sự xuất hiện trở lại của vầng trăng thật đột ngột, ở vào một thời điểm không ngờ. ..

- Bất ngờ đối diện với vầng trăng, con người đã có cử chỉ "ngẩng mặt", tâm trạng “rưng rưng”

- Trăng hiện lên đáng giá biết bao, cao thượng vị tha biết chừng nào.

- Cái “giật mình” tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ thiên nhiên.

**c. Kết bài:**

"Ánh trăng" - một hình ảnh rất giản dị nhưng mang triết lí sâu xa. Nó gợi ra trong lòng chúng ta nhiều suy ngẫm sâu sắc về cách sống, cách làm người “uống nước nhớ nguồn” ân nghĩa thuỷ chung cùng quá khứ.

 ...................................................................................

Ngày soạn :… /../2019 *Tiết 19*

Ngày giảng:*:..............*

**THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945**

**MÙA XUÂN NHO NHỎ**

 -Thanh Hải-

A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Tác giả:

 Thanh Hải (1930 – 1980) quê ở huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Tham gia hoạt động văn nghệ từ cuối những năm kháng chiến chống Pháp. Là cây bút có công xây dựng nền văn học giải phóng miền Nam từ những ngày đầu. Ông từng là một người lính trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ với tư cách là một nhà văn.

- Thơ Thanh Hải chân chất và bình dị, đôn hậu và chân thành.

- Sau ngày giải phóng, Thanh Hải vẫn gắn bó với quê hương xứ Huế, sống và sáng tác ở đó cho đến lúc qua đời.

*2. Tác phẩm*:

 - Bài thơ ra đời năm 1980 trong một hoàn cảnh đặc biệt khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh, ít lâu sau ông qua đời.

 a. Nội dung: Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.

 b. Nghệ thuật:

+ Bài thơ theo thể 5 chữ, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca.

+ Kết hợp những hình ảnh tự nhiên giản dị đi từ thiên nhiên với những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu trưng, khái quát.

+ Cấu tứ của bài chặt chẽ, dựa trên sự phát triển của hình ảnh mùa xuân.

+ Giọng điệu bài thơ thể hiện đúng tâm trạng, cảm xúc của tác giả.

C. Chủ đề: Tình yêu quê hương đất nước và khát vọng dâng hiến cho cuộc đời.

B. CÁC DẠNG ĐỀ:

 1. Dạng đề 2 hoặc 3 điểm:

 \* Đề 1:

 *Trong phần đầu, tác giả dùng đại từ “Tôi”, sang phần sau, tác giả lại dùng đại từ “Ta”. Em hiểu như thế nào về sự chuyển đổi đại từ nhân xưng ấy của chủ thể trữ tình?*

 \* Gợi ý:

- Sự chuyển đổi đại từ nhân xưng đó không phải là sự ngẫu nhiên vô tình mà là dụng ý nghệ thuật tạo nên hiệu quả sâu sắc

- Đó là sự chuyển từ cái “tôi” cá nhân nhỏ bé hoà vào cái “ta” chung của cộng đồng, nhân dân, đất nước. Trong cái “Ta” chung vẫn có cái “tôi” riêng, hạnh phúc là sự hoà hợp và cống hiến. Thể hiện niềm tự hào, niêm vui chung của dân tộc trong thời đại mới

- Sự chuyển đổi diễn ra rất tự nhiên, hợp lí theo mạch cảm xúc

2. Dạng đề 5 hoặc 7điểm:

 \* Đề 1: *Suy nghĩcủa em về bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”của Thanh Hải*

\*Gợi ý:

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả.

- Hoàn cảnh ra đời đặc biệt của bài thơ .

- Những xúc cảm của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước và khát vọng đẹp đẽ muốn làm “một mùa xuân nho nhỏ” dâng hiến cho cuộc đời.

b. Thân bài

 *\*Mùa xuân của thiên nhiên*

- Bức tranh mùa xuân tươi đẹp, trong sáng, gợi cảm, tràn đầy sức sống, tươi vui rộn rã qua các hình ảnh thơ đẹp: Bông hoa tím biếc, dòng sông xanh, âm thanh của tiếng chim chiền chiện

- Nghệ thuật:

+ Từ ngữ gợi cảm, gợi tả.

+ Đảo cấu trúc câu.

+ Sử dụng màu sắc, âm thanh…

 + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác trong câu thơ: “*Từng giọt long lanh rơi. Tôi đưa tay tôi hứng”.*

-> Cảm xúc : say sưa, ngây ngất của nhà thơ trước cảnh đất trời vào xuân

 *\* Mùa xuân của đất nước*

- Đây là mùa xuân của con người đang lao động và chiến đấu.

- Hình ảnh biểu tượng: người cầm súng, người ra đồng

 -> hai nhiệm vụ chiến đấu và xây dựng đất nước.

- Hình ảnh ẩn dụ: lộc non ( chồi non, lá non, sức sống của mùa xuân, thành quả hạnh phúc) trong câu thơ: “ *Lộc giắt đầy trên lưng. Lộc trải dài nương mạ*”

- Nghệ thuật.

+ Nhịp điệu hối hả, những âm thanh xôn xao.

+ Hình ảnh so sánh, nhân hoá đẹp: “Đ*ất nước như vì sao - Cứ đi lên phía trước*”

 -> ngợi ca vẻ đẹp đất nước tráng lệ, trường tồn, thể hiện niềm tin sáng ngời của nhà thơ về đất nước.

 *\* Tâm niệm của nhà thơ*.

- Là khát vọng được hoà nhập, cống hiến vào cuộc sống của đất nước

- Ước nguyện đó được đẩy lên cao thành một lẽ sống cao đẹp, mỗi người phải biết sống, cống hiến cho cuộc đời. Thế nhưng dâng hiến, hoà nhập mà vẫn giữ được nét riêng của mỗi người….

*c*. Kết luận:

- Bài thơ mang tựa đề thật khiêm tốn nhưng ý nghĩa lại sâu sắc, lớn lao.

- Cảm xúc đẹp về mùa xuân, gợi suy nghĩ về một lẽ sống cao đẹp của một tâm hồn trong sáng.

2. Dạng đề 5 hoặc 7 điểm:

 \* Đề 2:

 *Cảm nhận của em về bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”của Thanh Hải.*

\* Gợi ý :

a. Mở bài:

- Khái quát về tác giả, hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

- Cảm nhận chung về bài thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước và khát vọng đẹp đẽ muốn làm “một mùa xuân nho nhỏ” dâng hiến cho cuộc đời.

b. Thân bài

- Mùa xuân của thiên nhiên rất đẹp, đầy sức sống và tràn ngập niềm vui rạo rực: Qua hình ảnh, âm thanh, màu sắc...

- Mùa xuân của đất nước*:*  Hình ảnh “người cầm súng, người ra đồng” biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến đấu và lao động dựng xây lại quê hương sau những đau thương mất mát.

-> Âm hưởng thơ hối hả, khẩn trương với nhiều điệp từ, điệp ngữ láy lại ở đầu câu.

- Suy ngẫm và tâm niệm của nhà thơ trước mùa xuân đất nước là khát vọng được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp.

 -> Thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh tự nhiên, giản dị và đẹp.

- Cách cấu tứ lặp lại như vậy tạo ra sự đối ứng chặt chẽ và mang một ý nghĩa mới: Niềm mong muốn được sống có ích,cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa toả hương sắc cho đời.

*c*. Kết luận:

- Ý nghĩa đem lại từ bài thơ.

- Cảm xúc đẹp về mùa xuân, gợi suy nghĩ về một lẽ sống cao đẹp của một tâm hồn trong sáng.

 Đề 3. *Làm sáng tỏ nhận định: “ Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ là tiếng lòng thể hiện tình yêu và khát vọng được cống hiến cho đời của nhà thơ Thanh Hải*.

 ...............................................................................................

Ngày soạn :… /../2019 *Tiết 20*

Ngày giảng:*:..............*

**THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM - 1945**

**SANG THU**

 **-Hữu Thỉnh-**

**A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

**1. Tác giả:**

- Nguyễn Hữu Thỉnh sinh năm 1942 - quê ở Tam Dương - Vĩnh Phúc

- Là nhà thơ chiến sĩ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ.

- Thơ Hữu Thỉnh ấm áp tình người và giàu sức gợi cảm. Ông viết nhiều và hay về con người, cuộc sống ở nông thôn về mùa thu.

- Có nhiều tập thơ, trường ca nổi tiếng.

**2. Tác phẩm**.

 **a. Nội dung**: Bức tranh mùa thu được tác giả miêu tả bằng những chuyển mình đầy tinh tế của chính sự vật trước thời điểm giao mùa.

- Tín hiệu của mùa thu đã về (sự chuyển mùa cuối hạ đầu thu) Kết hợp một loạt các từ: “Bỗng - phả - hình như” thể hiện tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc bâng khuâng, cảm nhận tinh tế của tác giả tâm hồn thi sĩ biến chuyển nhịp nhàng với phút giao mùa của cảnh vật.

- Cảm giác giao mùa được diễn tả cụ thể và tinh tế bằng một hình ảnh đám mây của mùa hạ cũng như đang bước vào ngưỡng cửa của mùa thu vậy. Dường như giữa mùa hạ và mùa thu có một ranh giới cụ thể, hữu hình, hiển hiện, liên tưởng đầy thú vị không chỉ cảm nhận bằng thị giác mà là sự cảm nhận bằng chính tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên tha thiết của Hữu Thỉnh.

- Ý nghĩa thực và ẩn dụ ở hai câu thơ cuối.

 **b. Nghệ thuật:**

- Thể thơ 5 chữ. Nhịp thơ chậm, âm điệu nhẹ nhàng.

- Nhiều từ có giá trị gợi tả, gợi cảm sâu sắc.

- Sự cảm nhận tinh tế, thú vị, gợi những liên tưởng bất ngờ.

- Hình ảnh chọn lọc mang nét đặc trưng của sự giao mùa

hạ - thu.

 **c. Chủ đề:** Thiên nhiên và những suy ngẫm về cuộc đời.

**B. CÁC DẠNG ĐỀ:**

**\* Đề 1:**

*Cảm nhận của em về bài thơ* ***“Sang thu****” của Hữu Thỉnh.*

**a. Mở bài:**

- Giới thiệu đề tài mùa thu trong thi ca.

- Bài thơ được viết theo thể thơ năm chữ : nhịp nhàng, khoan thai, êm ái, trầm lắng và thoáng chút suy tư… thể hiện một bức tranh thu trong sáng, đáng yêu ở vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.

**b. Thân bài**.

 Khổ 1: *Những cảm nhận ban đầu của nhà thơ về cảnh sang thu của đất trời*.

*- Thiên nhiên được cảm nhận từ những gì vô hình*:

+ Hương ổi phả trong gió se

+ Từ “phả”: động từ có nghĩa là toả vào, trộn lẫn -> gợi mùi hương ổi ở độ đậm nhất, thơm nồng quyến rũ, hoà vào trong gió heo may của mùa thu, lan toả khắp không gian tạo ra một mùi thơm ngọt mát - hương thơm nồng nàn hấp dẫn của những vườn cây sum suê trái ngọt ở nông thôn Việt Nam.

+Sương chùng chình: những hạt sương nhỏ li ti giăng mắc như một làn sương mỏng nhẹ nhàng trôi, đang “cố ý” chậm lại thong thả, nhẹ nhàng, chuyển động chầm chậm sang thu. Hạt sương sớm mai cũng như có tâm hồn

*- Cảm xúc của nhà thơ*:

+ Tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc bâng khuâng .Nhà thơ giật mình, hơi bối rối, hình như còn có chút gì chưa thật rõ ràng trong cảm nhận.

 ->những cảm nhận nhẹ nhàng, thoáng qua hay là vì quá đột ngột mà tác giả chưa nhận ra? Tâm hồn thi sĩ biến chuyển nhịp nhàng với phút giao mùa của cảnh vật. Từng cảnh sang thu thấp thoáng hồn người : chùng chình, bịn rịn, lưu luyến,

***Khổ 2***: *Hình ảnh thiên nhiên sang thu được nhà thơ phát hiện bằng những hình ảnh quen thuộc làm nên một bức tranh mùa thu đẹp đẽ và trong sáng:*

+ Dòng sông quê hương –>gợi lên vẻ đẹp êm dịu của bức tranh thiên thiên mùa thu.

+ Đối lập với hình ảnh trên là những cánh chim chiều bắt đầu vội vã bay về phương nam tránh rét trong buổi hoàng hôn.

+ Mây được miêu tả qua sự liên tưởng độc đáo bằng tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên tha thiết:

 **Khổ 3**: *Thiên nhiên sang thu còn được gợi ra qua hình ảnh cụ thể: nắng - mưa*:

- Nắng - hình ảnh cụ thể của mùa hạ. Nắng cuối hạ vẫn còn nồng, còn sáng nhưng đã nhạt dần, yếu dần bởi gió se đã đến chứ không chói chang, dữ dội, gây gắt.

- Hình ảnh ẩn dụ : “Sấm cũng bớt bất ngờ. Trên hàng cây đứng tuổi”

 + Ý nghĩa tả thực:

 + Ý nghĩa ẩn dụ :

**c. Kết bài**:

 - Khẳng định lại giá trị của bài thơ .

 - Suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của bài thơ.

**C. BÀI TẬP VỀ NHÀ:**

**\* Đề 2:**

*Những cảm nhận tinh tế, sâu sắc của nhà thơ Hữu Thỉnh về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu qua bài thơ “Sang thu”.*

 **Gợi ý:**

 **a- Mở bài :**

 - Đề tài mùa thu trong thi ca xưa và nay rất phong phú

 - “Sang thu” của Hữu Thỉnh lại có nét riêng bởi chỉ diễn tả các yếu tố chuyển giao màu. Bài thơ thoáng nhẹ mà tinh tế.

 **b. Thân bài:**

 *\* Những dấu hiệu ban đầu của sự giao mùa*

 - Mở đầu bài thơ bằng từ *“bỗng”* nhà thơ như diễn tả cái hơi giật mình chợt nhận ra dấu hiệu đầu tiên từ làn *“gió se”* mang theo hương ổi bắt đầu chín .

 - *Hương ổi* ; *Phả vào trong gió se* : sự cảm nhận thật tinh

 - Rồi bằng thị giác : sương đầu thu nên đến chầm chậm, lại được diễn tả rất gợi cảm *“chùng chình qua ngõ”* như cố ý đợi khiến người vô tình cũng phải để ý.

 - Ngoài ra, từ *“bỗng”,* từ *“hình như”* còn diễn tả tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc bâng khuâng,…

 *\* Những dấu hiệu mùa thu đã dần dần rõ hơn, cảnh vật tiếp tục được cảm nhận bằng nhiều giác quan.*

 - Cái ngỡ ngàng ban đầu đã nhường chỗ cho những cảm nhận tinh tế, cảnh vật mùa thu mới chớm với những bước đi rất nhẹ, rất dịu, rất êm.

 - Đã hết rồi nước lũ cuồn cuộn nên dòng sông thong thả trôi

 - Trái lại, những loài chim di cư *bắt đầu vội vã*

 - Cảm giác giao mùa được diễn tả rất thú vị . Sự giao mùa được hình tượng hoá thành dáng nằm duyên dáng *vắt nửa mình sang thu* .

 *\* Tiết thu đã lấn dần thời tiết hạ:* Sự thay đổi rất nhẹ nhàng không gây cảm giác đột ngột, khó chịu được diễn tả khéo léo bằng những từ chỉ mức độ rất tinh tế :*vẫn còn, đã vơi, cũng bớt*.

 **c- Kết bài:**

 - Bài thơ bé nhỏ xinh xắn nhưng chứa đựng nhiều điều thú vị, bởi vì mỗi chữ, mỗi dòng là một phát hiện mới mẻ

 - Chứng tỏ một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, một tài thơ đặc sắc.

**Đề 3.** *Phân tích sự tinh tế trong cảm nhận của nhà thơ về những biến chuyển của không gian trời đất lúc sang thu qua bài thơ "Sang thu"- Hữu Thỉnh*.

 .............................................................................................................

Ngày soạn :… /../2019 *Tiết 21*

Ngày giảng:*:..............*

**CHUYÊN ĐỀ 4**

**VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

**-Lê Anh Trà-**

**A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1- Tác giả**

 Nhà báo Lê Anh Trà

**2- Tác phẩm**

**a) Xuất xứ** : *Phong cách Hồ Chí Minh* là một phần bài viết *Phong cách Hồ Chí Minh cái vĩ đại gắn với cái giản dị* của tác giả Lê Anh Trà, trích trong cuốn *Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam* (Viện Văn hóa xuất bản, Hà Nội 1990).

**b) Nội dung :**

 - Bài Phong cách Hồ Chí Minh chủ yếu nói về phong cách làm việc, phong cách sống của Người. Cốt lõi của phong cách Hồ Chí Minh là vẻ đẹp văn hóa với sự kết hợp hài hòa giữa tinh hoa văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

 - Bài thuộc chủ đề về sự hội nhập với thế giới và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tuy nhiên nó không chỉ mang ý nghĩa cập nhật mà còn có ý nghĩa lâu dài. Bởi lẽ học tập, rèn luyện theo phong cách Hồ Chí Minh là việc làm thiết thực, thường xuyên của các thế hệ người Việt Nam, nhất là lớp trẻ.

 - Văn bản nói về hai nét nổi bật trong phong cách Hồ Chí Minh :

 + Kết hợp giữa bản sắc văn hóa dân tộc bền vững với hiểu biết sâu rộng tinh hoa văn hóa thế giới :

-> Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với văn hóa thế giới bằng nhiều con đường (đi nhiều nơi, làm nhiều nghề, học hỏi nhiều thứ tiếng ...)

-> Người tiếp thu một cách có chọn lọc tinh hoa văn hóa nước ngoài (không chịu ảnh hưởng một cách thụ động, tiếp thu mọi cái hay cái đẹp, phê phán những hạn chế tiêu cực, trên nền tảng văn hóa dân tộc mà tiếp thu ảnh hưởng quốc tế).

 + Lối sống hết sức giản dị, thanh đạm nhưng cũng rất thanh cao. Đó là *“Một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại”*:

 -> Ở cương vị lãnh đạo cao nhất Hồ Chí Minh có lối sống vô cùng giản dị (nơi ở, nơi làm việc đơn sơ, trang phục hết sức giản dị, ăn uống đạm bạc)

 -> Cách sống giản dị, đạm bạc của Hồ Chí Minh lại vô cùng thanh cao, sang trọng (không phải là lối sống khắc khổ của những con người tự vui trong nghèo khó, không phải là tự thần thánh hóa cho khác đời, hơn đời, mà là cách sống có văn hóa với quan niệm : cái đẹp là sự giản dị tự nhiên).

 -> Nét đẹp của lối sống dân tộc của Hồ Chí Minh gợi nhớ tới cách sống của các vị hiền triết (Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Trãi).

**c) Nghệ thuật**

 - Kết hợp giữa kể và bình luận. Đan xen giữa lời kể là lời bình luận một cách tự nhiên (có thể nói ít có vị lãnh tụ nào ... cổ tích).

 - Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu (dẫn chứng trong văn bản)

 - Đan xen thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, dùng từ Hán Việt gợi cho người đọc sự gần gũi giữa Bác với các bậc hiền triết dân tộc.

 - Sử dụng nghệ thuật đối lập : vĩ nhân mà hết sức giản dị, gần gũi, am hiểu mọi nền văn hóa nhân loại mà hết sức Việt Nam.

**ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH**

 (**G. Mác – két)**

**A. TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác giả:**

 - Ga-bri-en- Gác-xi-a Mác- két là nhà văn Cô-lôm-bi-a, sinh năm 1928.

 - Ông là tác giả của nhiều tiểu thuyết và nhiều tập truyện ngắn theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo.

 - "Trăm năm cô đơn "(1967) là cuốn tiểu thuyết nổi tiếng từng được giải và giới phê bình văn học đánh giá là một trong những cuốn sách hay nhất thế giới trong những năm 60 của thế kỷ XX.

- Năm 1982 , Mác -két được tặng giải thưởng Nô- ben về văn học.

**2. Tác phẩm:**

**a) Nội dung**

- Văn bản "Đấu tranh cho một thế giới hòa bình" trích từ bài tham luận nổi tiếng của G.Mác-két tại hội nghị của các nguyên thủ của sáu nước thuộc các châu lục Á, Âu, Phi, Mĩ- La tinh vào tháng 8 năm 1986, tại Mê -hi-cô.

- Văn bản chỉ rõ nguy cơ khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân và cuộc chạy đua vũ trang đang đe dọa toàn thể loài người cũng như mọi sự sống trên trái đất. Vì thế nhiệm vụ của tất cả mọi người là ngăn chặn nguy cơ đó, đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

 - Nội dung của văn bản được triển khai bằng một hệ thống luận điểm, luận cứ chặt chẽ :

 + Kho vũ khí hạt nhân đang được tàng trữ, có khả năng hủy diệt cả trái đất và các hành tinh khác trong hệ mặt trời.

 + Cuộc chạy đua vũ trang làm mất đi khả năng cải thiện nhiều lĩnh vực: Xã hội, y tế, tiếp tế thực phẩm,giáo dục….với những chi phí khổng lồ cho chạy đua vũ trang đã cho thấy tính chất phi lý của việc đó .

 + Chiến tranh hạt nhân không chỉ đi ngược lại lý trí của loài người mà còn ngược lại lý trí của tự nhiên, phản lại sự tiến hóa .

 + Vì vậy, tất cả chúng ta phải có nhiệm vụ ngăn chặn cuộc chiến tranh hạt nhân, đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

**b) Nghệ thuật**

 \* Nghệ thuật nghị luận của văn bản có nhiều điểm đặc sắc.

 - Hệ thống luận điểm, luận cứ toàn diện chặt chẽ.

 - Chứng cứ phong phú, cụ thể từ nhiều lĩnh vực tri thức khoa học và thực tiễn.

 - Sử dụng phép so sánh thích hợp, có hiệu quả.

 - Kết hợp lý lẽ sắc bén với tri thức phong phú và đặc biệt là lòng nhiệt tình mạnh mẽ của tác giả.

**c) Chủ đề**

 - Văn bản kêu gọi toàn nhân loại đoàn kết ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, bảo vệ hòa bình và sự sống trên trái đất.

-------------------------------------------------

Ngày soạn :… /../2019 *Tiết 22*

Ngày giảng:*:..............*

**VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN, QUYỀN ĐƯỢC**

**BẢOVỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM**

**A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1- Giới thiệu về hoàn cảnh ra đời tác phẩm**

 Văn bản trích phần đầu bản “Tuyên bố” của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em họp tại trụ sở Liên Hợp quốc, Niu oóc ngày 30-9-1990, trong cuốn **“Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em***” (NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997).*

 Sau phần trích này bản tuyên bố còn có phần **Cam kết**, phần **Những bước tiếp theo** khẳng định quyết tâm và nêu ra một chương trình, các bước cụ thể cần phải làm.

 Hội nghị diễn ra trong bối cảnh mấy mươi năm cuối thế kỷ XX, khoa học kỹ thuật phát triển, kinh tế tăng trưởng, tính cộng đồng, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới được củng cố, mở rộng. Đó là những điều kiện thuận lợi đối với nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Song bên cạnh đó cũng có không ít khó khăn, nhiều vấn đề cấp bách được đặt ra : sự phân hóa rõ rệt về mức sống giữa các nước về giàu nghèo, tình trạng chiến tranh và bạo lực ở nhiều nơi trên thế giới, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bị tàn tật, bị bóc lột và nguy cơ thất học ngày càng nhiều.

**2- Tác phẩm**

**a) Nội dung**

*Văn bản gồm 17 mục* : chia 3 phần

***- Phần Sự thách thức*** : Nêu lên những thực tế, những con số về cuộc sống khổ cực trên nhiều mặt, về tình trạng bị rơi vào hiểm hoạ của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nay. Cụ thể :

+ Bị trở thành nạn nhân của chiến tranh, và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ A-pác-thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài.

+ Chịu đựng những thảm hoạ của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, của tình trạng vô gia cư, dịch bệnh mù chữ, môi trường xuống cấp.

+ Chết do suy dinh dưỡng và bệnh tật.

***- Phần Cơ hội*** : Khẳng định những điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em. Cụ thể :

+ Sự liên kết lại giữa các quốc gia cùng ý thức cao của cộng đồng quốc tế. Đã có công ước về quyền trẻ em làm cơ sở, tạo ra cơ hội mới.

+ Sự hợp tác và đoàn kết quốc tế ngày càng có hiệu quả : phong trào giải trừ quân bị được đẩy mạnh.

+ Ở nước ta Đảng và Nhà nước quan tâm một cách cụ thể. Nhận thức của cộng đồng về vấn đề này ngày càng sâu sắc.

***- Phần nhiệm vụ :*** Xác định những nhiệm vụ cụ thể mà từng quốc gia và cả cộng đồng quốc tế cần làm vì sự sống còn, phát triển của trẻ em. Những nhiệm vụ này được nêu lên một cách hợp lý và tính cấp bách trên cơ sở tình trạng, điều kiện thực tế. Cụ thể :

+ Tăng cường sức khỏe và chế độ dinh dưỡng cho trẻ em.

+ Quan tâm chăm sóc trẻ em bị tàn tật và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

+ Tăng cường vai trò của phụ nữ nói chung và đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ.

+ Bảo đảm cho trẻ em được học hết bậc giáo dục cơ sở không có trẻ em nào mù chữ.

+ Thực hiện kế hoạch hóa gia đình, tạo điều kiện để trẻ em lớn khôn và phát triển trên nền móng gia đình.

+Vì tương lai của trẻ em cần cấp bách bảo đảm hoặc khôi phục lại sự tăng trưởng và phát triển đều đặn nền kinh tế ở tất cả các nước.

**\* Tóm lại :**

Bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những vấn đề quan trọng, cấp bách có ý nghĩa toàn cầu. Bản “Tuyên bố” của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em ngày 30-9-1990 đã khẳng định điều đó và cam kết thực hiện những nhiệm vụ có tính toàn diện vì sự sống còn phát triển của trẻ em, vì tương lai của toàn nhân loại.

**b) Nghệ thuật :**

 - Văn bản có bố cục chặt chẽ, hợp lí. Bản thân các tiêu đề đã nói lên điều đó.

- Sau hai mục đầu khẳng định quyền được sống, quyền được phát triển của mọi trẻ em trên thế giới, khẩn thiết kêu gọi toàn nhân loại hãy quan tâm đến vấn đề này, 15 mục còn lại được bố cục thành 3 phần. Mỗi phần được đặt tiêu đề rõ ràng, thể hiện tính chặt chẽ, hợp lí của văn bản. Phần **Sự thách thức** tuy ngắn gọn nhưng đủ và cụ thể. Phần **Nhiệm vụ**, các nhiệm vụ nêu ra vừa cụ thể, vừa toàn diện bao quát trên mọi lĩnh vực (y tế, giáo dục, xã hội), mọi đối tượng (trẻ em bị tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trai, gái) và mọi cấp độ (gia đình, xã hội, quốc gia, cộng đồng quốc tế).

**BÀN VỀ ĐỌC SÁCH**

**-Chu Quang Tiềm-**

**A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1- Tác giả :**

- Chu Quang Tiềm (1897-1986) là nhà mĩ học và lí luận văn học nổi tiếng của Trung Quốc. Trong những bài viết của mình ông đã nhiều lần bàn về chuyện đọc sách. Riêng bài viết này là kết quả của quá trình tích luỹ kinh nghiệm, dày công suy nghĩ, là những lời bàn đầy tâm huyết của người đi trước muốn truyền lại cho các thế hệ sau.

**2- Tác phẩm** :

**a) Nội dung** :

 - Bàn về đọc sách là bài viết vừa có lí lẽ xác đáng vừa giàu kinh nghiệm thực tế. Văn bản được trích có bố cục chặt chẽ, hợp lí. Sau khi vào bài, tác giả khẳng định tầm quan trọng, ý nghĩa cần thiết của việc đọc sách. Tiếp đó bài viết nêu ra các khó khăn, nguy hại dễ gặp của việc đọc sách trong tình hình hiện nay. Phần chính của bài viết dành để bàn về phương pháp đọc sách (bao gồm cách lựa chọn sách cần đọc và cách đọc thế nào cho có hiệu quả).

 - Bằng sự phân tích ngắn gọn rõ ràng bài viết đã làm sáng tỏ ý nghĩa của sách trên con đường phát triển của nhân loại. Sách đã ghi chép, cô đúc và lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu mà loài người tìm tòi, tích luỹ được qua từng thời đại, trở thành kho tàng của cải tinh thần quý báu. Những cuốn sách có giá trị có thể xem là những cột mốc trên con đường phát triển học thuật của nhân loại. Vì sách có ý nghĩa quan trọng như thế nên đọc sách là một con đường tích luỹ, nâng cao vốn tri thức rất cơ bản của mỗi người.

 - Trong bối cảnh hiện nay, sách vở ngày càng nhiều thì việc đọc càng phải có phương pháp. Chu Quang Tiềm đã bàn luận, phân tích một cách có lí lẽ, có thực tế rằng cần biết lựa chọn sách để đọc, kết hợp giữa đọc rộng với đọc sâu, giữa đọc sách thường thức với đọc sách chuyên môn. Việc đọc sách không thể tuỳ hứng mà phải có kế hoạch, có mục đích kiên định, phải vừa đọc vừa nghiền ngẫm.

**b) Nghệ thuật**

 - Bàn về đọc sách là tác phẩm nghị luận có tính thuyết phục, sức hấp dẫn cao bởi cách trình bày vừa đạt lí vừa thấu tình, bởi lời văn giàu hình ảnh nhiều chỗ tác giả dùng cách nói ví von thật cụ thể và thú vị.

 - Bố cục bài viết chặt chẽ, hợp lí dẫn dắt tự nhiên.

**c) Chủ đề**

Đọc sách là con đường quan trọng để tích luỹ nâng cao học vấn. Cần kết hợp giữa đọc rộng với đọc sâu, giữa đọc sách thường thức với đọc sách chuyên môn. Việc đọc sách không thể tuỳ hứng mà phải có kế hoạch, có mục đích kiên định, phải vừa đọc vừa nghiền ngẫm.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

**TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ**

**-Nguyễn Đình Thi-**

**A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1- Tác giả :**

- Nguyễn Đình Thi (1924-2003) là một nghệ sĩ tài năng về nhiều mặt, không chỉ nổi tiếng với những tác phẩm thơ, văn nhạc kịch ông còn là một cây bút lí luận phê bình sắc sảo. Ông tham gia vào các hoạt động văn nghệ từ rất sớm, trên mỗi lĩnh vực đều để lại những tác phẩm nổi tiếng..

- Sáng tác của Nguyễn Đình Thi có nhiều thể loại : thơ, nhạc, văn xuôi, kịch, tiểu luận phê bình ... Cuộc đời sáng tạo nghệ thuật của ông gắn bó chặt chẽ với cụôc đời hoạt động cách mạng, đặc biệt trên mặt trận văn nghệ.

- Các tác phẩm chính : **Xung kích** (tiểu thuyết) **Thu đông năm nay** (truyện), **Người chiến sĩ** (thơ), **Mấy vấn đề văn học** (tiểu luận), **Bên bờ sông Lô** (truyện ngắn), **Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ hiện nay** (tiểu luận), **Con nai đen** (kịch), **Vỡ bờ** (tiểu thuyết) ...

- Tác giả đã được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996).

- Tiểu luận “Tiếng nói của văn nghệ” đựoc viết 1948, in trong cuốn **Mấy vấn đề văn học** (lí luận phê bình, xuất bản 1956), có nội dung lí luận sâu sắc, được thể hiện qua những rung cảm chân thành của một trái tim nghệ sĩ.

**2- Tác phẩm** :

**a) Nội dung** :

 - Tiếng nói của văn nghệ được Nguyễn Đình Thi viết năm 1948 thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Những năm này chúng ta đang xây dựng một nền văn học nghệ thuật mới gắn bó với đời sồng kháng chiến vĩ đại của nhân dân, đậm đà tính dân tộc đại chúng. Vì thế nội dung và sức mạnh kỳ diệu của văn nghệ thường được tác giả gắn với đời sống phong phú, sôi nổi của quần chúng nhân dân đang chiến đấu và sản xuất. **Tiếng nói của văn nghệ** có nội dung lí luận sâu sắc, thể hiện nhiệt tình những rung cảm chân thành của người nghệ sĩ kháng chiến Nguyễn Đình Thi.

 - Bài văn có hệ thống luận điểm như sau :

 + Nội dung tiếng nói của văn nghệ : Cùng với thực tại khách quan là nhận thức mới mẻ, là tư tưởng, tình cảm của cá nhân nghệ sĩ. Mỗi tác phẩm nghệ thuật lớn là một cách sống của tâm hồn, từ đó làm thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ.

 + Tiếng nói của văn nghệ rất cần thiết đối với cuộc sống con người, nhất là trong hoàn cảnh chiến đấu, sản xuất vô cùng gian khổ của dân tộc.

 + Văn nghệ có khả năng cảm hóa, sức mạnh lôi cuốn của nó thật là kỳ diệu, bởi đó là tiếng nói của tình cảm, tác động tới mỗi con người qua những rung cảm sâu xa tự trái tim.

**b) Nghệ thuật**

 Là bài văn nghị luận đặc sắc :

 - Bố cục chặt chẽ, hợp lí, cách dẫn dắt tự nhiên.

 - Cách viết giàu hình ảnh, có nhiều dẫn chứng về thơ văn, về câu chuyện thực tế để khẳng định các ý kiến, các nhận định tăng thêm sức hấp dẫn cho bài tiểu luện.

 - Giọng văn chân thành, say sưa, giàu nhiệt huyết, đặc biệt ở phần cuối.

**c) Chủ đề**

 Nguyễn Đình Thi đã khẳng định văn nghệ là mối dây đồng cảm kỳ diệu giữa nghệ sĩ với bạn đọc qua những rung động mãnh liệt, sâu xa của trái tim. Văn nghệ giúp cho con người được sống phong phú hơn và tự hoàn thiện nhân cách tâm hồn mình.

**CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỶ MỚI**

**-Vũ Khoan-**

**A- TÓM TẮT KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1- Tác giả :**

Vũ Khoan là nhà ngoại giao, nhiều năm làm thứ trưởng Bộ Ngoại Giao, Bộ trưởng Bộ Thương mại, Nguyên là Phó Thủ tướng Chính phủ.

**2- Tác phẩm :**

**a) Một số điểm cần chú ý về hoàn cảnh ra đời bài viết**

 - Bài viết “**Chuẩn bị hành trang**” của Vũ Khoan đăng trên Tạp chí Tia sáng năm 2001 và được in vào tập “Một góc nhìn của trí thức” NXB Trẻ 2002. Khi đưa vào SGK người biên soạn đặt nhan đề bài viết “Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới”.

 - “**Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới”** là bài nghị luận của Phó Thủ tướng Vũ Khoan đề cập tới những vấn đề vừa có ý nghĩa thời sự, cấp thiết vừa có ý nghĩa lâu dài. Tác giả viết bài này đầu năm 2001, khi đất nước ta cùng toàn thế giới bước vào năm đầu tiên của thế kỷ mới. Ở thời điểm chuyển giao thời gian đặc biệt có ý nghĩa, người ta thường có nhu cầu nhìn lại, kiểm điểm lại mình trên chặng đường đã qua và chuẩn bị hành trang đi tiếp chặng đường mới. Đối với dân tộc ta, bước vào thế kỷ mới cũng là tiếp tục một hành trình đầy triển vọng của công cuộc đổi mới toàn diện, nhằm vượt qua tình trạng chậm phát triển, nghèo nàn, lạc hậu, đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Mặt khác đây cũng là con đường đầy khó khăn, thách thức, đòi hỏi mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ phải thực sự đổi mới vươn lên mạnh mẽ để đáp ứng yêu cầu của thời đại.

**b) Nội dung**

\* Đây là bài nghị luận về một đề tài vừa cấp thiết vừa có tính lâu dài, vừa là của đất nước vừa là của từng người (trước hết là các bạn trẻ), vừa là một bài xã luận, vừa là một văn bản chỉ đạo, vừa là một ý kiến riêng, vừa là ý kiến của vị lãnh đạo cấp cao, vừa có tính chất vấn đề đời sống, vừa có tính chất vấn đề tư tưởng, đạo lí đặc biệt bài văn chứa đựng một triết lý nhân văn có giá trị muôn thuở : “Con người quyết định tất cả”.

\* Luận điểm cơ bản của bài (vấn đề nghị luận) được nêu ngay từ đầu để làm căn cứ triển khai ***“****Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới”.*

\* Hệ thống luận cứ của bài văn :

*(1) Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới thì quan trọng nhất là sự chuẩn bị bản thân con người.*

 *(2) Bối cảnh của thế giới hiện nay và những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước.*

 *(3) Những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam cần được nhận rõ khi bước vào nền kinh tế trong thế kỷ mới.*

- Đây là luận cứ trung tâm, quan trọng nhất của cả bài nên được tác giả triển khai cụ thể và phân tích thấu đáo.

\* Kết luận :

 - Từ ba luận cứ được triển khai rất chặt chẽ nói tên tác giả kết thúc bài viết bằng việc nêu lên những yêu cầu đối với thế hệ trẻ : *Bước vào thế kỷ mới, mỗi người Việt Nam đặc biệt là thế hệ trẻ cần phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu, rèn cho mình những thói quen tốt ngay từ những việc nhỏ để đáp ứng nhiệm vụ đưa đất nước đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.*

**b) Nghệ thuật**

 - Bài nghị luận mẫu mực đã phân tích một cách thuyết phục, có lí có tình những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam. Tác giả không dùng cách nói theo kiểu sách vở, uyên bác mà diễn đạt giản dị, thiết thực dựa trên cơ sở thực tiễn, có ví dụ, ví von cụ thể, có hình ảnh. Đặc biệt cách sử dụng thành ngữ, tục ngữ “Nước đến chân mới nhảy”, “Liệu cơm gắp mắm”. “Trâu buộc ghét trâu ăn”, “Bóc ngắn cắn dài”, ...Vì thế bài viết sâu sắc mà dễ hiểu.

 - Khi nêu ưu, nhược điểm của người Việt Nam, tác giả đã không làm một phép liệt kê đơn giản từ ưu điểm đến nhược điểm mà cứ mỗi khi nêu một ưu điểm tác giả lại đề cập đến một nhược điểm.